

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ**
Số: 108/KĐT - CBTT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2019

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị

Mã CK: PCG

Trụ sở chính: Tầng 4 – Số 167 – Trung Kính – Cầu Giấy – Hà nội

Điện thoại: 024.37346848 Fax: 024.37346838

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Huệ

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 09/4/2019, HĐQT PV GAS CITY đã công bố thông tin về thời gian tổ chức ĐHĐCĐ TN năm 2019. Ngày 10/4/2019, thư mời họp ĐHĐCĐ TN năm 2019 đã được công bố thông tin trên website www.pvgascity.com.vn và gửi đến các cổ đông có trong danh sách chốt ngày 03/4/2019. Tại thư mời họp này, PV GAS CITY thông báo tài liệu họp ĐHĐCĐ TN năm 2019 sẽ được công bố trên website nói trên kể từ ngày 17/4/2019.

PV GAS CITY công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ TN năm 2019 như đính kèm.

Thông tin này được đăng tải tại địa chỉ: www.pvgascity.com.vn kể từ ngày 17/4/2019.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

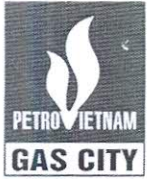
Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban GD (để báo cáo);
- Lưu VT; TCHC.

**NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT
TRƯỞNG PHÒNG TCHC**



Nguyễn Thị Huệ



THÔNG BÁO
Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Kính gửi: Quý cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị (PVGAS CITY) trân trọng thông báo tới Quý Cổ đông về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 như sau:

1. Thời gian: 8h30 thứ Sáu ngày 26/4/2019
2. Địa điểm: Phòng họp Tòa nhà Viện Dầu Khí Việt Nam, Số 167 Trung Kính, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội
3. Thành phần tham dự: Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 03/4/2019 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp.
4. Nội dung:
 - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018.
 - Tờ trình ủy quyền cho HĐQT phê duyệt Kế hoạch kinh doanh năm 2019;
 - Tờ trình Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán 2018;
 - Tờ trình Thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2018 và KH chi trả năm 2019;
 - Tờ trình Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018 và KH hoạt động năm 2019;
 - Tờ trình Thông qua báo cáo hoạt động của BKS năm 2018 và KH hoạt động năm 2019. Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2019;
 - Tờ trình miễn nhiệm, bầu thay thế TVHĐQT;
 - Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền (nếu có).
5. Tài liệu đại hội:
 - Tài liệu liên quan đến Đại hội sẽ được đăng tải tại website của công ty: <http://www.pvgascity.com.vn> (từ ngày 17/4/2019).
6. Đăng ký tham dự:



- Khi đến dự Đại hội đề nghị Quý cổ đông mang theo CMND/Hộ chiếu (bản chính). Đối với trường hợp được ủy quyền, đề nghị mang theo giấy ủy quyền (bản chính) và CMND/Hộ chiếu (bản chính) của người được ủy quyền;
 - Trường hợp Quý cổ đông không tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác, người nhận ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ ba.
7. Xác nhận tham dự:
- Để việc tổ chức Đại hội được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự Đại hội hoặc ủy quyền tham dự Đại hội theo các mẫu đính kèm trước **16h ngày 19/4/2019** theo số fax : 024.37346838 hoặc email: dampt@pvgascity.com.vn hoặc gửi về PVGAS CITY theo địa chỉ:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu Khí Việt Nam
Số 167 Trung Kính, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024.37346848 (ext: 4308)

Fax: 024.37346838

Trân trọng!

Nơi nhận: ↴

- Như trên;
- Lưu HĐQT, VT, H.1000.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Nhật Dương





Số: 05/BC – HDQT – KĐT
V/V: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018
第: 05/BC – HDQT – KĐT 号
关于: 2018 年公司生产经营工作总结的报告

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2019
河内, 2019 年 4 月 16 日

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
敬致: 股东大会

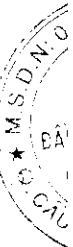
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty như sau:

城市燃气投资发展股份公司经理向股东大会汇报 2018 年公司生产经营工作如下:

I. Kết quả kinh doanh năm 2018 – 2018 年经营完成情况

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu chính
主要指标总结表

STT 序号	CHỈ TIÊU 指标	ĐVT 单位	TH năm 2017 2017 年 实现	KH năm 2018 2018 年计 划	TH năm 2018 2018 年实 现	Tỷ lệ so sánh (%) 对比	
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(3)/(2)	(3)/(1)
I	Chỉ tiêu sản lượng 销量指标						
1	LPG	Tấn 吨	21.570	30.449	20.047	66%	93%
-	Gián tiếp – 批发销量		11.471	12.130	12.308	101%	107%
-	Trực tiếp – 终端销量		10.099	18.319	7.739	42%	77%
2	Số lượng căn hộ ký mới 新签民用户	Căn hộ 户	1.779	4.000	0	0%	0%
3	Giá trị hợp đồng ký mới 新签合同价值	Tỷ đồng 万元	36,276 1067	67,600 1988	8,078 238	12%	22%
II	Chỉ tiêu tài chính 财务指标						
1	Doanh thu 收入	Tỷ đồng 万元	319,546 9398	587,104 17268	335,614 9871	57%	105%
-	LPG	Tỷ đồng 万元	304,377 8952	542,506 15956	310,076 9120	57%	102%
-	Xây lắp – 施工安装	Tỷ đồng	13,443	43,605	19,396	44%	144%



		万元	395	1283	570		
-	Khác – 其他	Tỷ đồng	1,726	0,994	6,142	618%	356%
		万元	51	29	181		
2	Giá vốn – 成本	Tỷ đồng	298,807	543,952	315,008	58%	105%
		万元	8788	15999	9265		
-	LPG	Tỷ đồng	287,083	504,889	292,554	58%	102%
		万元	8444	14850	8605		
-	Xây lắp 施工安装	Tỷ đồng	11,044	38,731	20,382	53%	185%
		万元	325	1139	599		
-	Khác 其他	Tỷ đồng	0,681	0,332	2,072	624%	304%
		万元	20	10	61		
3	Lãi gộp 毛利	Tỷ đồng	20,739	43,153	20,606	48%	99%
		万元	610	1269	606		
4	Chi phí quản lý và bán hàng 销售和管理费用	Tỷ đồng	25,601	46,616	35,933	77%	140%
		万元	753	1371	1057		
5	Lợi nhuận KD chính 财务利润	Tỷ đồng	-4,862	-3,464	-15,327	0%	0%
		万元	-143	-102	-451		
6	Lợi nhuận tài chính 财务利润	Tỷ đồng	7,319	8,476	6,903	81%	94%
		万元	215	249	203		
7	Lợi nhuận khác 其他利润	Tỷ đồng	0,820	0,662	0,319	48%	39%
		万元	24	19	9		
8	Lợi nhuận trước thuế 税前利润	Tỷ đồng	3,277	5,674	-8,105	0%	0%
		万元	96	167	-238		
9	Các khoản điều chỉnh giảm vào LNST 税后调整减少的款项	Tỷ đồng	0	0,713	0	0%	0%
		万元	0	21	0		
10	Thuế 所得税	Tỷ đồng	0,733	1,135	0	0%	0%
		万元	22	33	0		
11	Lợi nhuận sau thuế 税后利润	Tỷ đồng	2,544	3,826	-8,105	0%	0%
		万元	75	113	-238		

1. Chỉ tiêu sản lượng – 销量指标

1.1. Sản lượng LPG – LPG 销量

- Sản lượng LPG đạt 20.047 tấn, bằng 66% kế hoạch, bằng 93% so với năm 2017.

LPG 销量达到 20047 吨，相当于计划的 66%，相当于 2017 年的 93%。

STT 序号	CHỈ TIÊU 指标	ĐVT 单位	TH năm 2017 2017 年实 现	KH năm 2018 2018 年计 划	TH năm 2018 2018 年实 现	Tỷ lệ so sánh (%) 对比	
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(4)	(4)/(2)	(4)/(1)
1	Sản lượng gián tiếp 批发	Tấn 吨	11.471	12.130	12.308	101%	107%
	Miền Bắc - 北部	Tấn 吨	10.238	8.520	9.308	109%	91%
	Miền Trung - 中部	Tấn 吨	1.233	100	1.045	1.045%	85%
	Miền Nam - 南部	Tấn 吨		3.510	1.955	56%	0%
2	Sản lượng trực tiếp 终端	Tấn 吨	10.099	18.319	7.739	42%	77%
2.1	Công nghiệp - 工业	Tấn 吨	7.606	14.667	6.699	46%	88%
	Miền Bắc - 北部	Tấn 吨	998	8.640	1.202	14%	120%
	Miền Trung - 中部	Tấn 吨	3.900	5.768	4.619	80%	118%
	Miền Nam - 南部	Tấn 吨	2.709	259	878	339%	32%
2.2	Thương mại - 商业	Tấn 吨	1.815	2.800	374	13%	21%
	Miền Bắc - 北部	Tấn 吨	111	28	2	5%	1%
	Miền Trung - 中部	Tấn 吨	1	6	0	7%	35%
	Miền Nam - 南部	Tấn 吨	1.702	2.766	372	13%	22%
2.3	Citygas - 民用	Tấn 吨	678	852	666	78%	98%
	Miền Bắc - 北部	Tấn 吨	372	369	330	90%	89%
	Miền Trung - 中部	Tấn 吨	2	0	0	0%	0%
	Miền Nam - 南部	Tấn 吨	304	483	335	69%	110%
	Tổng cộng - 总共	Tấn 吨	21.570	30.449	20.047	66%	93%

Nguyên nhân sản lượng LPG không đạt kế hoạch chủ yếu do giá không cạnh tranh được với các đơn vị khác nhập khẩu trực tiếp từ các nguồn khác nên giá vốn thấp và chế độ bán hàng linh hoạt, các khách hàng lớn như các doanh nghiệp cao su mùa mưa tạm dừng sản xuất ...

由于与直接从其他气源进口、并具有低成本产品及销售制度灵活的其他单位没有竞争力；橡胶生产企业等大客户在雨季临时停产，因此本公司没有完成 LPG 产量计划。

1.2. Sản lượng xây lắp - 施工安装产量

- Số căn hộ ký mới bằng 0 do chủ đầu tư các khu đô thị, khu chung cư không đầu tư hoặc giảm tiến độ đầu tư hệ thống cấp LPG trung tâm (Dự án 1.448 Căn hộ tại Quế Võ - Bắc Ninh, M8-Phú Mỹ Hưng, S18-2 – Phú Mỹ Hưng, Park Avenue) hoặc không trúng thầu (Dự án H6-3 Phú Mỹ Hưng).

由于都市区和公寓区的投资者不投资或延长投资供应液化石油气系统的计划进度（北宁省桂武县 1148 民用户项目、福美兴 M8、福美兴 S18-2、Park Avenue）或者没有中标（福美兴 H6-3），新签民用户量为 0。

- Tổng giá trị hợp đồng ký mới đạt 8,078 tỷ đồng, bằng 12 % kế hoạch bao gồm các dự án làm gas trung tâm cho bếp ăn nhà hàng, quán cà phê trong các trung tâm thương mại và hệ thống cấp gas cho nhà máy.

新签合同的总价值达到 238 万元，相当于计划的 12%，包括餐馆厨房用液化石油气气管系统项目，贸易中心咖啡馆和工厂供气系统。

STT 序号	CHỈ TIÊU 指标	ĐVT 单位	TH năm 2017 2017 年实 现	KH năm 2018 2018 年计 划	TH năm 2018 2018 年实 现	Tỷ lệ so sánh (%) 对比	
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(4)	(4)/(2)	(4)/(1)
1	Số căn hộ ký mới 新签民用户	Căn hộ	1.779	4.000	0	0%	0%
	Miền Bắc - 北部		0	1.448	0	0%	0%
	Miền Nam - 南部		1.779	2.552	0	0%	0%
2	Giá trị HĐ ký mới 新签合同价值	Tỷ đồng	1067	1988	238	12%	22%
	Miền Bắc - 北部		493	749	210	28%	43%
	Miền Nam - 南部		574	1239	28	2%	5%

- Thị trường xây lắp công nghiệp và thương mại có nhiều đối thủ có năng lực, kinh nghiệm và giá thành vật liệu, nhân công đầu vào cạnh tranh hơn. Do đó, PVGascity không ký được hợp đồng hoặc không trúng thầu (Dự án Vincom Quảng Ngãi, FLC Hạ Long, Vincom Thái Nguyên, Vincom Quảng Bình, dự án Vinfast ...).

工业和商业施工安装市场现有许多具备竞争力的气源和劳动力成本、丰富经验的竞争者。因此，本公司未签订合同或未中标（广义省 Vincom）、下龙湾 FLC、太原省 VINCOM、广平省 VINCOM、VINFAST 项目）

- Phát triển KCN – 开发工业园区:

- ✓ Khu công nghiệp Khang Dương (Bình Định), Phú Vinh (Hà Tĩnh): đã lập xong phương án đầu tư và trình lãnh đạo Tập đoàn phê duyệt trong năm 2018.

康阳工业区（平定省），福荣（河静省）：完成投资方案，于 2018 年提交集团领导批准。

- ✓ Cuối năm 2018 đã hoàn thành đàm phán ký hợp tác đầu tư, hợp đồng thuê đất và thực hiện triển khai các thủ tục đầu tư và tiến hành đầu tư dự án trong năm 2019.

于 2018 年底已完成洽谈签订投资合作合同、土地租用合同，并展开投资手续，于 2019 年预计执行投资项目合同。

- ✓ Đã ký Thỏa thuận hợp tác với Tổng công ty Phát triển đô thị Kinh Bắc (KBC) vào ngày 29/8/2018. Gascity và KBC thành lập nhóm khảo sát, thiết kế và chuẩn bị các bước đề ký kết và triển khai đầu tư.

于 2018 年 8 月 29 日与京北都市发展总公司 (KBC) 签订合作协议。本公司与 KBC 成立考察、设计和准备合作的组班以展开投资。

- ✓ Tiếp tục duy trì mối liên hệ với chủ đầu tư KCN An Dương, KCN Thuận Thành II, mục tiêu năm 2019 ký thỏa thuận Hợp tác (MOU) với khách hàng.

保持与安阳工业区、顺城 II 工业区联系，目标是于 2019 年可以跟客户签订合作协议。

- ✓ Làm việc với Ban quản lý các khu Công nghiệp Thái Nguyên trong việc hợp tác phát triển KCN Điềm Thụy và KCN Sông Công 2 – Thái Nguyên. Dự kiến trong năm 2019 sẽ ký thỏa thuận hợp tác, đàm phán thuê đất và đầu tư dự án vào KCN Điềm Thụy và KCN Sông Công 2.

关于太原省恬瑞工业区和双贡 II 工业区的发张合作情况，已跟太原工业园区管理委员会沟通。预计于 2019 年将签订这两个项目的合作协议，洽谈租用土地并投资项目。

- ✓ Làm việc với Công ty CFLD trong việc hợp tác phát triển các dự án của CFLD tại Việt Nam, mục tiêu năm 2019 sẽ ký thỏa thuận hợp tác đầu tư với CFLC cho tất cả các dự án CFLC triển khai tại Việt Nam.

关于越南 CFLD 发展项目，已经与 CFLD 沟通，预计于 2019 年签订全部越南 CFLC 项目的投资合作协议。

- ✓ Đang tiếp cận Chủ đầu tư KCN lớn tại Việt Nam là Tập đoàn Đầu tư Phát triển Việt Nam (TNI). Mục tiêu năm 2019 Phòng TT HO sẽ hợp tác với TNI trong việc phát triển các KCN của TNI tại Việt Nam.

在跟越南发展投资集团 (TNI) 接触。预计 2019 年河内总部市场部门将跟 TNI 合作开发投资全部越南 TNI 工业园区。

2. Chỉ tiêu tài chính – 财务指标

- Doanh thu đạt 335,614 tỷ đồng, trong đó:

营业收入达到 9871 万元，其中：

- Doanh thu LPG đạt 310,076 tỷ đồng, bằng 57% kế hoạch, tăng 2% so với năm 2017. Doanh thu LPG không đạt kế hoạch nguyên nhân là do sản lượng và giá CP thấp hơn kế hoạch. Giá CP trung bình năm 2018 là 540,6 \$/tấn (CP kế hoạch là 640 \$/tấn), CP trung bình năm 2017 là 489,5 \$/tấn.

LPG 营收达到 9120 万元，相当于计划的 57%，比 2017 年增长 2%。不完成收入指标的主要原因是产量及 CP 价与计划降低。2018 年平均 CP 价为 540.6 美元/吨（计划为 640 美元/吨），2017 年平均 CP 价为 489.5 美元/吨。

- Doanh thu xây lắp đạt 19,396 tỷ đồng, bằng 44% kế hoạch, tăng 44% so với năm 2017 bao gồm cả các dự án từ năm trước chuyển sang. Nguyên nhân doanh thu xây lắp thấp hơn kế hoạch là do các nguyên nhân chủ yếu sau đây:

施工安装收入达到 570 万元，相当于计划的 44%，比 2017 年增加 44%，包括上一年的项目。施工安装收入比计划低的主要原因是：

- ✓ Các dự án chính đang triển khai chủ yếu là trung tâm thương mại có điều kiện thi công phức tạp, phát sinh và thay đổi thiết kế trong thi công nhiều, tổng tiến độ thi công chung của các dự án đều chậm tiến độ dẫn đến công tác thi công cũng như thanh quyết toán của hệ thống gas bị ảnh hưởng.

大部分重大项目是具有复杂施工条件，工作量多，经常发生或设计更改的商业中心项目。同时，总项目进度计划都延长进度，因此影响到供应液化石油气管道系统的清决算工作。

- ✓ Khối lượng, giá trị thi công thực tế các TTTM bị giảm so với Hợp đồng do Chủ đầu tư không đạt được thỏa thuận thi công hệ thống gas với các Chủ gian hàng.

商业中心的工作量、实际施工价值与合同规定降低由于投资者跟个店主不达成气管系统的施工安装协议。

- ✓ Nhân lực mỏng, mỗi công trường chỉ bố trí có 01 cán bộ và phải thực hiện tất cả các công việc liên quan đến triển khai thi công như giám sát, làm bản vẽ, nghiệm thu hiện trường, ... dẫn đến công tác hồ sơ thanh toán giai đoạn bị chậm.

人力资源不多，每个工程项目只能安排一个员工，要同时执行全部监督、作图、现场验收等有关展开施工工作，因此阶段结算资料工作都慢

- ✓ Các dự án ký mới không đạt kế hoạch.

新签项目不完成计划。

- ✓ Năng lực thi công còn yếu, không có đội ngũ công nhân, nhân công đều phải thuê khoán. Có những dự án khu vực Miền trung phải thuê, điều động nhân công từ ngoài HO vào thực hiện dẫn đến phát sinh chi phí.

施工能力不足，没有既有工人工队伍，都要租用。有些中部项目需要租用或者调动河内员工去执行因此发生费用。

iii. Doanh thu khác đạt 6,142 tỷ đồng chủ yếu là từ vận hành trạm Best pacific.

其他收入达到 181 万元，主要来自 Best Pacific 的运营。

- Giá vốn đạt 315,008 tỷ đồng, bằng 58% kế hoạch, bằng 105% so với năm 2017.

成本达到 9265 万元，相当于计划的 58%，相当于 2017 年的 105%

- Chi phí quản lý và bán hàng đạt 35,933 tỷ đồng, bằng 77% so với kế hoạch, bằng 140% so với năm 2017.

管理和销售费用达到 1057 万元，相当于计划的 77%，相当于 2017 年的 140%。

Đơn vị: Triệu Đồng

单位: 万元

STT 序号	Khoản mục chi phí 费用项目	TH năm 2017 2017 年 实现	Năm 2018 2018 年		Tỷ lệ so sánh (%) 对比	
			KH 计划	TH 实现	(3)/(2)	(3)/(1)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(3)/(2)	(3)/(1)
1	Tiền lương 工资	11.460	21.921	14.769	67%	129%
		337.1	644.7	434.4		
2	Com ca 伙食补贴	662	1.044	650	62%	98%
		19.5	30.7	19.1		
3	BHXH, BHYT, KPCĐ, TCTN (trích theo lương) 社会保险、医疗保险、工会费、失 业补贴	1.273	3.487	2.035	58%	160%
		37.4	102.6	59.9		
4	Thuê văn phòng + Kho 办公司+ 库租金	1.631	2.074	1.648	79%	101%

		48.0	61.0	48.5		
5	Xe ô tô văn phòng 办公车费用	1.128	1.002	838	84%	74%
		33.2	29.5	24.6		
6	Thông tin, Website 网站信息费用	58	130	112	86%	192%
		1.7	3.8	3.3		
7	Văn phòng phẩm 文具费用	106	126	103	82%	98%
		3.1	3.7	3.0		
8	Tiền điện, nước, ĐT, phí DVVP 办公室服务+电费+水费+电话+网费+ 车油	1.451	1.607	1.514	94%	104%
		42.7	47.3	44.5		
9	Đào tạo 培训费用	21	369	18	5%	89%
		0.6	10.9	0.5		
10	Hành chính 行政费用	315	400	435	109%	138%
		9.3	11.8	12.8		
11	Tiếp khách 招待费用	1.269	1.298	1.837	142%	145%
		37.3	38.2	54.0		
12	Công tác phí 出差费用	689	829	863	104%	125%
		20.3	24.4	25.4		
13	Khấu hao TSCĐ 固定资产折旧	1.654	3.256	1.811	56%	109%
		48.6	95.8	53.3		
14	CCDC Văn phòng 办公室工具	375	671	185	28%	49%
		11.0	19.7	5.4		
15	Nhãn hiệu Tập đoàn 集团品牌	2	0	33		1.413%
		0.1	0.0	1.0		
16	Trích quỹ dự phòng nợ phải thu 呆账保证金计提	(3.272)	(1.856)	560		
		-96.2	-54.6	16.5		
17	Phí chuyển tiền 付款费用	48	68	49	72%	103%
		1.4	2.0	1.4		
18	Chi phí đủ điều kiện trạm cấp, giấy phép XNK 申请进出口资质费用	0	300	0	0%	
		0.0	8.8	0.0		
19	Kiểm định an toàn hệ thống 鉴定系统安全	107	312	149	48%	139%
		3.1	9.2	4.4		
20	Kiểm toán báo cáo TC 审计财务报告费用	275	275	275	100%	100%
		8.1	8.1	8.1		
21	Thuế, phí, lệ phí 税、费	4	6	5	87%	130%
		0.1	0.2	0.1		
22	Sửa chữa bảo dưỡng 维修保养	80	232	431	186%	540%
		2.4	6.8	12.7		
23	Bảo hiểm khác 其他保险	104	99	92	93%	89%
		3.1	2.9	2.7		
24	Marketing	0	695	0	0%	

	推销费用	0.0	20.4	0.0		
25	Chi phí bán hàng (thuê hệ thống Citygas) 销售费用 (民用供气站租费)	685 20.1	712 20.9	755 22.2	106%	110%
26	Chi phí vận tải 运输费用	4.288 126.1	6.809 200.3	5.853 172.1	86%	136%
27	Bảo hộ lao động 劳动保护费用	199 5.9	282 8.3	145 4.3	51%	73%
28	Chi phí khác 其他费用	989 29.1	468 13.8	768 22.6	164%	78%
	Tổng cộng - 总共	25.601 753.0	46.616 1371.1	35.933 1056.9	77%	140%

- Lợi nhuận tài chính đạt 6,903 tỷ đồng, bằng 81 % kế hoạch, giảm 6 % so với năm 2017.
财务利润达到 203 万元，相当于计划的 81%，比 2017 年下降 6%。
- Lợi nhuận khác đạt 0,319 tỷ đồng chủ yếu từ hoàn nhập chi phí bảo hành công trình dự án.
其他利润达到 9.4 万元，主要来自项目保修费用。
- Lợi nhuận trước và sau thuế đạt -8,105 tỷ đồng.
税前和税后利润达到-238.4 万元。

II. Công tác quản lý An toàn - Chất lượng - Môi trường 安全-优质-环保管理工作

- Đảm bảo an ninh, an toàn, khai thác liên tục các dự án. Đến thời điểm báo cáo, không có tai nạn, sự cố nghiêm trọng xảy ra dẫn đến dừng, gián đoạn thi công/cấp gas.
保证安全和安宁，持续开发各项目。截止报告时点，公司生产经营活动中没有发生严重的责任事故。
- Duy trì Hệ thống quản lý tích hợp An toàn – Chất Lượng – Môi trường (ATCLMT) theo ISO 9001:2015; tiếp tục rà soát các quy trình, quy định.
保持根据 ISO 9001: 2015 综合管理体系安全 - 质量 - 环境的系统 (ATCLMT)；继续审查流程和规定。

III. Công tác quản lý hành chính, nhân sự và đoàn thể 行政、人事管理工作

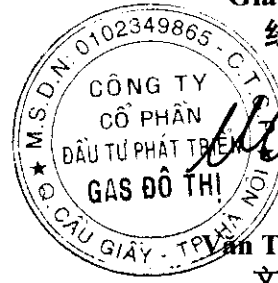
- Lao động tiền lương - 劳工 - 工资:
 - i. Tổng số lao động cuối kỳ là 116 người, tuyển dụng 38 người, chấm dứt HĐLĐ 25 người;
期末公司职工总数为 116 人，招聘新人员为 38 人，终止劳动合同为 25 人；
 - ii. Thu nhập bình quân ước đạt 10,171 triệu đồng/người/tháng.
人均月工资收入为 2991 元/人/月。
- Đào tạo: triển khai 76 lượt người đào tạo theo yêu cầu pháp luật với tổng chi phí 12 triệu đồng.
培训工作：包括法律培训和专业培训，总共 76 人次，培训总费用为 3529 元
- Quản trị doanh nghiệp: Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật đối với công ty niêm yết.
企业管理：根据法律对上市公司规定，执行遵守报告和公布信息的制度。

Trân trọng,

敬致!

Nơi nhận 报送:

- Như trên 如上;
- HĐQT, BKS (e-copy);
董事会, 监事会
- Lưu VT, H.01
文秘、阮氏慧各留 01 份



**Giám Đốc
经理**

**Nguyễn Tuấn Anh
文俊英**

T.C.P. * 104



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ
越南城市燃气投资发展股份公司**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

越南社会主义共和国

独立 - 自由 - 幸福

Số: 20./ TTr - HDQT - KDT

编号: 20./ TTr - KDT

V/v: Ủy quyền cho HDQT thông qua Kế
hoạch kinh doanh năm 2019

关于: 放权董事会批准 2019 年经营计划

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2019

河内, 2019 年 4 月 16 日

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

敬致: 股东大会

Ngày 01/4/2019, Giám đốc Công ty đã trình HDQT Công ty phê duyệt KHKD năm 2019 trước khi trình Đại hội đồng thông qua, với các chỉ tiêu chính như sau:

在股东大会通过之前、公司经理于 2019 年 04 月 01 日已向董事会呈递批准 2019 年经营的计划、主要指标如下:

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu chính 2019

2019 年主要指标汇总表

1 人民币=3400 越南盾

STT 序号	CHỈ TIÊU 指标	ĐVT 单位	TH 2018 2018 年实际	KH 2019 2019 年计划	% KH 2019/ TH 2018 2019 年计 划/2018 年 实际比例
(A)	(B)	(C)	(2)	(3)	(3)/(2)
I	Chỉ tiêu sản lượng 销量指标				
1	LPG	Tấn / 吨	20.047	33.389	167%
1.1	Kinh doanh gián tiếp 批发销量	Tấn/吨	12.308	9.006	73%
1.2	Kinh doanh trực tiếp 终端销量	Tấn/吨	7.739	24.383	315%
-	LPG Công nghiệp LPG 工业	Tấn/吨	6.699	21.228	317%
-	LPG Thương mại LPG 商业	Tấn/吨	374	429	115%
-	LPG Citygas LPG 民用	Tấn/吨	666	810	122%

2	Số căn hộ ký mới 新签用户	Căn hộ 户	0	0	
3	Giá trị HĐ Xây lắp Ký Mới 新签施工安装合同金额	Tỷ đồng 万人民币	8,078 237.5	40,127 1180.2	497%
II	Chỉ tiêu tài chính 财务指标				
1	Tổng doanh thu 总营收	Tỷ đồng 万人民币	335,614 9871	767,285 22567	229%
1.1	LPG	Tỷ đồng 万人民币	310,076 9119.8	559,312 16450	180%
1.2	Xây lắp / 施工安装	Tỷ đồng 万人民币	19,396 570.5	189,503 5573.6	977%
1.3	Khác / 其他	Tỷ đồng 万人民币	6,142 180.6	18,471 543.3	301%
2	Giá vốn / 成本	Tỷ đồng 万人民币	315,008 9265	701,864 20643	223%
2.1	LPG	Tỷ đồng 万人民币	292,554 8604.5	517,212 15212	177%
2.2	Xây lắp / 施工安装	Tỷ đồng 万人民币	20,382 599.5	171,146 5034	840%
2.3	Khác / 其他	Tỷ đồng 万人民币	2,072 61	13,506 397.2	652%
3	Lãi gộp / 毛利	Tỷ đồng 万人民币	20,606 606.1	69,160 2034.1	336%
4	Chi phí quản lý và bán hàng 管理及销售费用	Tỷ đồng 万人民币	35,933 1056.9	63,305 1863.2	176%
5	Lợi nhuận tài chính 财务利润	Tỷ đồng 万人民币	6,903 203	(1,949) (57.3)	
6	Lợi nhuận khác 其他利润	Tỷ đồng 万人民币	0,319 9.4	0,004 0.12	1%
7	Lợi nhuận trước thuế 税前利润	Tỷ đồng 万人民币	(8,105) (238.4)	3,910 115	
8	Thuế / 税务	Tỷ đồng 万人民币	0	1,987 58.4	

3498
NG T
PHÁT
PHÁT T
ĐỒ T
ÁY - TP

10	Lợi nhuận sau thuế 税后利润	Tỷ đồng 万人民币	(8,105) (238.4)	1,919 56.4	
----	----------------------------	-----------------	----------------------	---------------	--

Sau khi xem xét Kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Giám đốc Công ty, HĐQT nhận thấy cần phải điều chỉnh các chỉ tiêu kinh doanh năm 2019 để phù hợp với tình hình thực tế và định hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới.

在审查公司经理的 2019 年经营计划之后、为了符合实际情况及在未来公司的发展方向，董事会认为需要调整 2019 年经营指标。

Nhằm đảm bảo sự linh hoạt trong việc quản trị, điều hành hoạt động của Công ty, phù hợp với quy định hiện hành và tối đa hóa lợi ích của cổ đông, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT phê duyệt Kế hoạch kinh doanh năm 2019.

为确保公司管理和运营的灵活性，抓住商机，增强竞争力，同时确保公司的经营活动符合现行法规，并最大化股东的利益。董事会敬请股东大会放权董事会批准 2019 年经营计划。董事会有责任在最近股东大会会议上向股东大会汇报经营计划的实施情况。

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

敬请股东大会批准此呈报。

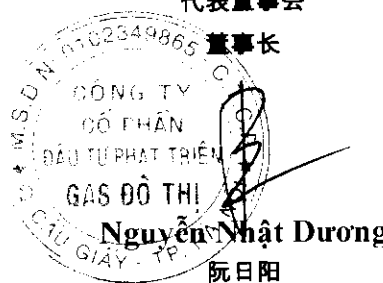
Nơi nhận: 接收处: ✓

- ĐHCĐ TN 2019;
2019 年度股东大会;
- HĐQT, BKS;
董事会, 监事会;
- Lưu VT; H.01.
文秘, 阮氏慧各一份

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

代表董事会

董事长



Nguyễn Nhật Dương

阮日阳





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ**
越南城市燃气投资发展股份公司

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
越南社会主义共和国

独立 - 自由 - 幸福

Số: 21.../TTTr-HDQT-KĐT

编号 : 21 / TTTr-HDQT-KĐT

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2019

河内, 2019 年 04 月 16 日

TỜ TRÌNH

呈报

Về việc Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018

关于批准 2018 年财务审计之报告

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

敬致：股东大会

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014 và các văn bản liên quan:

根据越南社会主义共和国国会于 2014 年 11 月 26 日颁发第 68/2014 / QH13 号企业法及相关文件;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị (PV GAS CITY).

根据城市燃气投资发展股份公司 (PV GASCITY) 的规章 .

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018.

越南 Deloitte 公司是公司本年度财务报告审计之单位, 截至 2018 年 12 月 31 日。越南 Deloitte 公司已发布财务审计之报告 (附加的文件)

Một số chỉ tiêu chính trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

财务审计之报告中有一些主要指标 :

Tổng tài sản:	243.588.633.668 đồng
总资产 :	7164.3 万人民币
Nợ phải trả:	42.038.631.411 đồng
债务	1236.4 万人民币
Vốn chủ sở hữu:	201,550,002,257 đồng

注册资本	5927.9 万人民币
Tổng doanh thu:	335,611,477,385 đồng
总营收	9871 万人民币
Lợi nhuận sau thuế:	-8,105,411,231 đồng
税后利润	(238.4 万人民币)

1 人民币 = 3400 越南盾

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã xác nhận “Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam”.

越南 Deloitte 有限公司 已确认“随附的财务报告已真实反映于 2018 年 12 月 31 日公司之财务情况、本年度经营结果及现金流量情况、符合越南会计准则，越南会计制度和 越南相关法规”。

Báo cáo tài chính kiểm toán (đính kèm)

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2019 xem xét thông qua.

敬请 2019 年度股东大会批准。

Trân trọng.
此致
敬礼！

Nơi nhận: 接收处: ✓

- ĐHĐCĐ TN 2019;
2019 年度股东大会；
- HĐQT, BKS;
董事会，监事会；
- Lưu VT, ĐTH.01.
留档：文秘、邓太河各一份。

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

代表董事会
董事长
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
GAS ĐÔ THỊ
Nguyễn Nhật Dương
阮日阳



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS
ĐÔ THỊ**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam

167 Trung Kính, Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
167 Trung Kính, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Nhật Dương	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2018)
Ông Gao Zhixin	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018, miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2018 nhưng vẫn là Thành viên Hội đồng Quản trị)
Ông Văn Tuấn Anh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018)
Ông Cheung Yipsang	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Tú	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2018)
Ông Nguyễn Chí Dũng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2018)
Ông Nguyễn Quyết Thắng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018)
Ông Lu Zhiming	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2018)

Ban Giám đốc

Ông Văn Tuấn Anh	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2018)
Ông Lu Zhiming	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2018)
Ông Bùi Xuân Năng	Phó Giám đốc
Ông Chen Zhibin	Phó Giám đốc
Ông Martin Wong Siew Bing	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2018)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



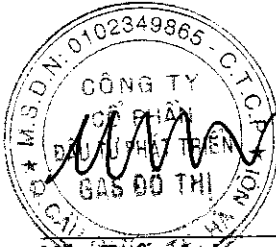
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
167 Trung Kính, Hà Nội, Việt Nam

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Văn Tuấn Anh
Giám đốc

Ngày 04 tháng 3 năm 2019.

112
NG
HIỆN
L
T K

Số: *FAV* /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 04 tháng 3 năm 2019, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Hữu Công
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 04 tháng 3 năm 2019
Hà Nội; CHXHCN Việt Nam

Bùi Thị Thu Hương
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1688-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		198.336.710.771	209.414.612.413
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	66.761.534.103	19.710.379.257
1. Tiền	111		21.761.534.103	14.910.379.257
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.000.000.000	4.800.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	16.691.591.658	108.963.392.517
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		16.691.591.658	108.963.392.517
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		93.488.172.240	56.103.118.510
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	52.922.880.737	47.116.174.510
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	15.045.864.405	7.398.271.916
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	20.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	6.211.007.187	3.436.701.205
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(760.313.887)	(1.848.029.121)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		68.733.798	-
IV. Hàng tồn kho	140	11	19.403.903.156	22.378.495.178
1. Hàng tồn kho	141		19.403.903.156	22.378.495.178
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.991.509.614	2.259.226.951
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	456.270.090	687.007.127
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.535.239.524	1.572.219.824
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.251.922.897	41.040.673.847
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.251.668.254	1.286.420.658
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	8.004.149.558	5.441.215.962
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	135.295.872	85.295.872
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10	(5.887.777.176)	(4.240.091.176)
II. Tài sản cố định	220		17.050.488.623	17.810.857.237
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	16.199.223.663	16.910.777.280
- Nguyên giá	222		27.289.457.874	25.420.673.889
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.090.234.211)	(8.509.896.609)
2. Tài sản cố định vô hình	227		851.264.960	900.079.957
- Nguyên giá	228		1.408.758.913	1.408.758.913
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(557.493.953)	(508.678.956)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.208.104.221	1.340.663.067
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	3.208.104.221	1.340.663.067
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5	100.000.000	91.591.658
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		100.000.000	91.591.658
V. Tài sản dài hạn khác	260		22.641.661.799	20.511.141.227
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	22.536.481.588	20.436.578.562
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	105.180.211	74.562.665
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		243.588.633.668	250.455.286.260

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

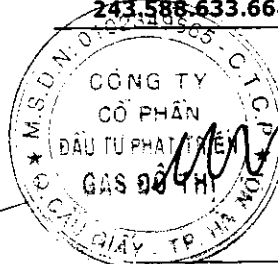
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		42.038.631.411	39.736.205.081
I. Nợ ngắn hạn	310		41.001.797.149	39.139.902.546
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	31.503.338.111	29.144.709.590
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.823.772.279	3.882.099.669
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	30.092.099	735.170.025
4. Phải trả người lao động	314		1.729.564.170	970.218.817
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	841.423.937	627.492.400
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		254.818.371	254.153.661
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	2.918.353.013	3.027.553.239
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	494.802.783	454.299.945
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		405.632.386	44.205.200
II. Nợ dài hạn	330		1.036.834.262	596.302.535
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	86.973.380	53.581.930
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	949.860.882	542.720.605
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		201.550.002.257	210.719.081.179
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	201.550.002.257	210.719.081.179
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		188.700.000.000	188.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		188.700.000.000	188.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.480.000.000	15.480.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.596.615.372	2.596.615.372
4. Quỹ khác của chủ sở hữu	420		337.031.314	337.031.314
5. (Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(5.563.644.429)	3.605.434.493
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.665.766.802	1.217.178.563
-(Lỗ)/ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(8.229.411.231)	2.388.255.930
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		243.588.633.668	250.455.286.260

(Signature)

Phan Ngọc Lan
Người lập biểu

(Signature)

Đặng Thái Hà
Kế toán trưởng



(Signature)
Văn Tuấn Anh
Giám đốc

Ngày 04 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		336.643.315.647	319.543.946.584
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.031.838.262	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	23	335.611.477.385	319.543.946.584
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	315.004.498.868	298.804.534.377
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		20.606.978.517	20.739.412.207
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	6.912.949.554	7.321.130.417
7. Chi phí tài chính	22		9.825.403	3.659.175
8. Chi phí bán hàng	25	27	13.859.663.056	12.273.686.706
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	22.074.406.173	13.327.334.976
10. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(8.423.966.561)	2.455.861.767
11. Thu nhập khác	31	28	318.558.142	1.026.960.947
12. Chi phí khác	32		2.812	205.797.938
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		318.555.330	821.163.009
14. (Lỗ)/Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(8.105.411.231)	3.277.024.776
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	30.617.546	673.254.108
16. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(30.617.546)	59.514.738
17. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(8.105.411.231)	2.544.255.930
18. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	(437)	126


Phan Ngọc Lan
Người lập biểu


Đặng Thái Hà
Kế toán trưởng


Văn Tuấn Anh
Giám đốc

Ngày 04 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

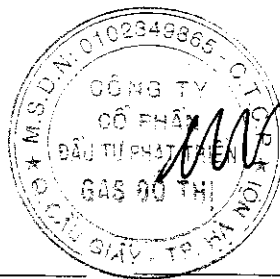
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	355.090.389.680	352.081.396.344
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(361.504.844.339)	(348.652.082.367)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(16.053.940.362)	(14.950.674.786)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(911.104.082)	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.929.178.351	2.897.033.591
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.206.220.485)	(5.746.354.269)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(28.656.541.237)	(14.370.681.487)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.999.834.062)	(7.851.574.684)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(82.000.000.000)	(119.402.842.874)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	154.263.392.517	103.347.889.002
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.557.245.938	8.735.346.431
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	75.820.804.393	(15.171.182.125)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(130.310.550)	(22.951.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(130.310.550)	(22.951.050)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	47.033.952.606	(29.564.814.662)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	19.710.379.257	49.277.750.246
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	17.202.240	(2.556.327)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	66.761.534.103	19.710.379.257



Phan Ngọc Lan
Người lập biểu



Đặng Thái Hà
Kế toán trưởng



Văn Tuấn Anh
Giám đốc

Ngày 04 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty") hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007, thay đổi lần thứ 16 ngày 26 tháng 06 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 188.700.000.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 29 tháng 12 năm 2010 với mã chứng khoán là PCG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 122 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 104).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Tư vấn, thiết kế, đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy, thiết bị và các dịch vụ khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh gas;
- Tư vấn, lập dự án đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống, thiết bị công nghệ phục vụ cung cấp, sản xuất khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Kinh doanh và vận chuyển qua mạng đường ống, xe bồn chuyên dụng, tàu hỏa chuyên dụng và các loại khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME); vận chuyển bình khí bằng xe tải;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất, phụ kiện ngành khí; kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, máy xây dựng; kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Xây dựng kho bãi, trạm chiết nạp phục vụ cho hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Môi giới thương mại;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Đào tạo lao động phục vụ ngành khí (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: môi giới, định giá, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản (không bao gồm hoạt động môi giới giá đất);
- Kinh doanh thiết bị chuyển đổi từ nhiên liệu xăng, diesel sang LPG, CNG, LNG;
- Dịch vụ tư vấn, thi công, lắp đặt, cung cấp thiết bị hệ thống điều hòa không khí, điện, nước, thang máy, trang trí nội ngoại thất, thiết bị phòng cháy, chữa cháy;
- Thi công, lắp đặt, đầu tư và vận hành hệ thống thiết bị cung cấp LPG cho khu đô thị, khu công nghiệp;
- Thiết kế, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế, lắp đặt thiết bị, công nghệ hệ thống thi công khí gas công trình xây dựng;
- Giám sát thi công, xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp.

1001
CÔ
SCH N
JEL
VIỆ
VG Đ

1001
CÔ
SCH N
JEL
VIỆ
VG Đ

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 4113029854 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 10 năm 2007, thay đổi lần thứ 7 ngày 29 tháng 11 năm 2012.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

1250
JG
HỆM
017
T N
- T

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

0 - C
TY
HỮU HẠ
TE
AM
P. HẠ

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u> <u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 15
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng phản ánh chi phí thuê 508 m² văn phòng tại tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, Hà Nội. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 50 năm tính từ năm 2010. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng: Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	522.872.143	473.271.169
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.238.661.960	14.437.108.088
Các khoản tương đương tiền (*)	45.000.000.000	4.800.000.000
	66.761.534.103	19.710.379.257

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh số dư tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng kể từ ngày gửi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (“SHB”) với số tiền là 30.000.000.000 VND đang được dùng làm tài sản đảm bảo cho các chứng thư bảo lãnh của SHB cho Công ty.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Giá trị ghi sổ</u> VND	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Giá trị ghi sổ</u> VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	16.691.591.658	16.691.591.658	108.963.392.517	108.963.392.517
	16.691.591.658	16.691.591.658	108.963.392.517	108.963.392.517
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	100.000.000	100.000.000	91.591.658	91.591.658
	100.000.000	100.000.000	91.591.658	91.591.658

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời hạn thu hồi dưới 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn thu hồi trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (“SHB”) với số tiền là 12.691.591.658 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 81.413.392.517 VND) và các khoản tiền gửi dài hạn tại SHB với số tiền là 100.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 91.591.658 VND) đang được dùng làm tài sản đảm bảo cho các chứng thư bảo lãnh của SHB cho Công ty.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	11.809.329.843	10.629.867.521
Công ty TNHH BEST PACIFIC Việt Nam	5.271.027.166	552.625.000
Công ty Cổ phần Đồng Tâm Miền Trung	3.731.361.503	3.165.358.992
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Dầu khí Việt Hải	3.005.436.513	3.216.589.389
Các khoản phải thu khách hàng khác	29.105.725.712	29.551.733.608
	52.922.880.737	47.116.174.510
b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long	4.006.942.801	423.124.826
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Xuân Mai	2.100.000.000	2.250.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Hà Nội	819.102.549	819.102.549
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.078.104.208	1.948.988.587
	8.004.149.558	5.441.215.962

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Bà Nguyễn Thị Thanh Hải (i)	7.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (ii)	5.577.000.000	5.577.000.000
Đối tượng khác	1.968.864.405	1.821.271.916
	15.045.864.405	7.398.271.916

- (i) Phản ánh khoản trả trước theo Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn ký giữa Công ty và chủ sở hữu của Công ty TNHH Việt Nam Gas Đăk Lăk để mua lại 100% vốn tại công ty này. Đến ngày 04 tháng 01 năm 2019, các thủ tục chuyển nhượng đã hoàn thành, theo đó, Công ty là chủ sở hữu 100% vốn tại Công ty TNHH Việt Nam Gas Đăk Lăk theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6001446817 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đăk Lăk.
- (ii) Phản ánh khoản ứng trước theo Hợp đồng số 2533/2017/HĐMB-UVK và 2534/2017/HĐMB-UVK ngày 05 tháng 01 năm 2017 để mua 02 căn hộ tòa nhà CT4-108 thuộc Dự án USILK City do Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long làm chủ đầu tư cho mục đích đầu tư để bán. Theo hợp đồng mua bán, các căn hộ này sẽ được bàn giao chậm nhất là vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, tuy nhiên đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, các căn hộ này vẫn chưa được bàn giao. Ban Giám đốc Công ty đánh giá là sẽ bán được với giá không thấp hơn giá trị ghi sổ trong tương lai.

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Phản ánh số dư phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Tú theo Hợp đồng cho vay số 12/HĐKĐT ngày 10 tháng 5 năm 2018 với số tiền gốc cho vay là 20.000.000.000 VND và lãi suất vay 8%/năm. Thời hạn của khoản vay là 9 tháng kể từ ngày 09 tháng 5 năm 2018 đến ngày 08 tháng 02 năm 2019. Gốc vay và lãi vay được trả một lần vào ngày hết hạn khoản vay.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Ngắn hạn		
- Lãi dự thu	1.758.915.100	2.425.340.065
- Tạm ứng	1.204.948.569	841.361.140
- Cho thuê bồn	530.706.850	-
- Các khoản phải thu khác	2.716.436.668	170.000.000
	6.211.007.187	3.436.701.205
b. Dài hạn		
- Ký cược, ký quỹ	135.295.872	85.295.872
	135.295.872	85.295.872

10. NỢ XẤU

Đối tượng	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn
Phải thu, cho vay quá hạn	10.538.529.158	3.890.438.095		8.434.324.767	2.346.204.470	
Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long	4.006.942.801	1.918.846.435	Từ 1 năm đến trên 3 năm	4.006.942.801	2.188.576.005	Từ 6 tháng đến trên 3 năm
Công ty Cổ phần khí hóa lỏng Bắc Giang	2.440.962.465	1.708.673.725	Trên 6 tháng	-	-	
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mãi	2.100.000.000		Trên 3 năm	2.250.000.000	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Hà Nội	819.102.549	-	Trên 3 năm	819.102.549	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	1.171.521.342	262.917.935	Trên 6 tháng	1.358.279.417	157.628.465	Trên 6 tháng

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu cần được trình bày, tuy nhiên Thông tư này không hướng dẫn cách thức xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu. Theo đó, Công ty trình bày giá trị có thể thu hồi nêu trên bằng giá gốc trừ đi khoản dự phòng đã trích lập.

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.507.814.194	-	10.753.003.284	-
Công cụ, dụng cụ	42.582.974	-	9.154.399	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.230.446.709	-	4.816.041.771	-
Hàng hoá	2.623.059.279	-	6.800.295.724	-
Cộng	19.403.903.156	-	22.378.495.178	-

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	182.782.742	38.729.132
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	273.487.348	648.277.995
	456.270.090	687.007.127
b) Dài hạn		
Tiền thuê văn phòng tại Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam	22.062.902.708	20.117.475.409
Chi phí trả trước dài hạn khác	473.578.880	319.103.153
	22.536.481.588	20.436.578.562

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Máy móc và thiết bị</u> VND	<u>Phương tiện vận tải</u> VND	<u>Thiết bị văn phòng</u> VND	<u>Khác</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	222.458.772	1.494.762.818	131.973.635	23.571.478.664	25.420.673.889
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	185.238.530	185.238.530
Mua sắm mới	-	1.683.545.455	-	-	1.683.545.455
Số dư cuối năm	222.458.772	3.178.308.273	131.973.635	23.756.717.194	27.289.457.874
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	222.458.772	1.494.762.818	105.922.805	6.686.752.214	8.509.896.609
Trích khấu hao trong năm	-	120.571.595	11.818.182	2.447.947.825	2.580.337.602
Số dư cuối năm	222.458.772	1.615.334.413	117.740.987	9.134.700.039	11.090.234.211
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	-	-	26.050.830	16.884.726.450	16.910.777.280
Tại ngày cuối năm	-	1.562.973.860	14.232.648	14.622.017.155	16.199.223.663

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với số tiền là 4.601.376.920 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 4.270.550.877 VND).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trạm cấp gas Phú Mỹ Hưng (*)	1.295.163.067	1.295.163.067
Trạm cấp gas khu căn hộ DV Richstar	781.576.788	-
Trạm gas Trung tâm Thương mại quận 6	614.902.466	-
Trạm cấp gas trung tâm Nova lô E (SRR)	470.961.900	-
Trạm cấp gas cho Khu đô thị Vĩnh Điềm Trung - Nha Trang	45.500.000	45.500.000
	3.208.104.221	1.340.663.067

(*) Phản ánh các khoản chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác liên quan tới việc xây dựng trạm cấp gas Phú Mỹ Hưng của Công ty. Đến ngày lập báo cáo tài chính này, quá trình thi công của Dự án đang tạm dừng để chờ điều chỉnh quy hoạch. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc xây dựng Dự án trên sẽ tiếp tục được tiến hành trong các năm tới và Công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện Dự án này.

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	105.180.211	74.562.665
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	105.180.211	74.562.665

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	18.136.323.038	18.136.323.038	20.431.820.943	20.431.820.943
Công ty CP VT SPK Quốc tế	4.609.110.711	4.609.110.711	2.738.905.560	2.738.905.560
Công ty TNHH MTV đầu tư XD và KD DV Quảng Ngãi	3.998.249.234	3.998.249.234	3.238.083.230	3.238.083.230
Các đối tượng khác	4.759.655.128	4.759.655.128	2.735.899.857	2.735.899.857
	31.503.338.111	31.503.338.111	29.144.709.590	29.144.709.590

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Phát sinh trong năm				
	Số đầu năm VND	Số phải nộp theo Quyết định xử phạt hành chính thuế(*)	Số phải nộp năm 2018 VND	Số đã nộp VND	Số cuối năm VND
Các khoản phải nộp					
Thuế giá trị gia tăng	-	234.545.150	226.979.953	461.525.103	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	662.530.500	217.956.036	30.617.546	911.104.082	-
Thuế thu nhập cá nhân	72.639.525	-	324.341.844	366.889.270	30.092.099
Thuế khác	-	-	196.000.000	196.000.000	-
Cộng	735.170.025	452.501.186	777.939.343	1.935.518.455	30.092.099

(*) Phản ánh số tiền Công ty thực hiện nghĩa vụ với cơ quan Nhà nước về xử lý vi phạm hành chính thuế theo Quyết định số 25596/QĐ-CT-TTR2 ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Cục Thuế Thành phố Hà Nội.



18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trích trước chi phí dự án	205.403.627	312.800.000
Chi phí phải trả khác	636.020.310	314.692.400
	841.423.937	627.492.400

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	349.348.301	235.184.437
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.025.647.896	880.605.144
Tài sản thừa chờ giải quyết	13.942.504	-
Phải trả cổ tức	1.204.784.200	1.346.218.160
Phải trả các tổ đội thi công	-	346.065.800
Các khoản khác	324.630.112	219.479.698
	2.918.353.013	3.027.553.239
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	86.973.380	53.581.930
	86.973.380	53.581.930

20. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

	Dự phòng bảo hành công trình VND
Số dư đầu năm	997.020.550
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	903.223.060
Sử dụng trong năm	(143.680.596)
Hoàn nhập dự phòng	(311.899.349)
Số dư cuối năm	1.444.663.665

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi tiết:		
- Ngắn hạn	494.802.783	454.299.945
- Dài hạn	949.860.882	542.720.605
	1.444.663.665	997.020.550

Dự phòng bảo hành công trình là ước tính của Ban Giám đốc về khoản nợ phải trả cho thời hạn bảo hành Công ty áp dụng đối với các công trình xây dựng dựa trên cơ sở thống kê của Công ty về các công trình xây dựng phát sinh nghĩa vụ phải bảo hành.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	188.700.000.000	15.480.000.000	337.031.314	2.596.615.372	1.219.046.926	208.332.693.612
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.544.255.930	2.544.255.930
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(156.000.000)	(156.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.868.363)	(1.868.363)
Số dư tại 31/12/2017	188.700.000.000	15.480.000.000	337.031.314	2.596.615.372	3.605.434.493	210.719.081.179
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(477.651.186)	(477.651.186)
Điều chỉnh theo kết luận của Thanh tra Thuế	-	-	-	-	(462.016.505)	(462.016.505)
(Lỗ)/Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(8.105.411.231)	(8.105.411.231)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(124.000.000)	(124.000.000)
Số dư cuối năm nay	188.700.000.000	15.480.000.000	337.031.314	2.596.615.372	(5.563.644.429)	201.550.002.257

- (i) Ban Giám đốc Công ty quyết định trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 188.700.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ. Cụ thể như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm VND	%	Số đầu năm VND	%
ENN Energy	73.385.000.000	38,9	82.820.000.000	43,9
Nguyễn Thanh Tú	22.477.000.000	11,9	22.479.000.000	11,9
Bùi Thị Hồng Anh	19.015.000.000	10,1	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Tú	17.911.000.000	9,5	18.901.000.000	10,0
Công ty TNHH Đầu tư Tân Việt Việt Nam	13.822.000.000	7,3	-	-
Prism Energy International Hong Kong Limited	9.435.000.000	5,0	-	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	-	-	33.500.000.000	17,8
Nguyễn Chí Dũng	-	-	7.509.000.000	4,0
Các cổ đông phổ thông khác	32.655.000.000	17,3	23.491.000.000	12,4
	188.700.000.000	100	188.700.000.000	100

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là lắp đặt hệ thống gas trung tâm và kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp. Các hoạt động liên quan đến xây lắp và cung cấp dịch vụ khác cũng là để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chính này. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính và dịch vụ có liên quan.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

23. DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	336.643.315.647	319.543.946.584
Doanh thu bán hàng hóa	311.164.571.357	304.876.809.157
Doanh thu hợp đồng xây dựng	19.395.944.709	13.443.052.901
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.082.799.581	1.224.084.526
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.031.838.262)	-
Giảm giá hàng bán	(1.031.838.262)	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	335.611.477.385	319.543.946.584

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa	292.584.620.786	287.524.347.518
Giá vốn hoạt động xây dựng	20.381.668.463	11.045.055.678
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.038.209.619	235.131.181
	315.004.498.868	298.804.534.377

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.890.820.981	7.319.830.417
Lãi chênh lệch tỷ giá	22.128.573	1.300.000
	6.912.949.554	7.321.130.417

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp	13.750.270.203	7.839.459.944
Chi phí nhân công	24.417.248.771	15.598.283.659
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.629.152.599	1.802.303.813
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.360.199.274	15.356.558.741
	59.156.870.847	40.596.606.157

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí nhân viên	3.620.090.771	4.453.589.002
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.082.092.115	6.715.263.217
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	849.079.334	823.418.637
- Các khoản chi phí bán hàng khác	308.400.836	281.415.850
	13.859.663.056	12.273.686.706
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí nhân viên	13.751.369.424	8.919.853.479
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.352.433.938	6.556.506.689
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	962.028.323	902.038.534
- Trích lập/(Hoàn nhập) các khoản dự phòng	559.970.766	(3.272.494.382)
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	448.603.722	221.430.656
	22.074.406.173	13.327.334.976

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Hoàn nhập chi phí bảo hành	311.899.349	823.042.111
Thu tiền phạt hợp đồng	-	195.304.500
Thu nhập khác	6.658.793	8.614.336
	318.558.142	1.026.960.947

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	(8.105.411.231)	3.277.024.776
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Chi phí không được khấu trừ năm 2015 đủ điều kiện khấu trừ năm nay theo Biên bản thanh tra thuế	-	(442.331.459)
Cộng: Chênh lệch tạm thời chi phí tính thuế	-	630.670.973
Chuyển lỗ	-	(99.093.751)
Thu nhập chịu thuế	-	3.366.270.539
Thuế suất	20%	20%
Điều chỉnh theo kết luận của Cơ quan Thuế	30.617.546	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30.617.546	673.254.108

30. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.105.411.231)	2.544.255.930
Trừ: Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị	(124.000.000)	(156.000.000)
Trừ: Giảm khác	(17.202.240)	(2.556.327)
- Chênh lệch tỷ giá	(17.202.240)	(2.556.327)
(Lỗ)/Lợi nhuận để tính lỗ/lãi cơ bản trên cổ phiếu	(8.246.613.471)	2.383.143.276
Cổ phiếu bình quân đang lưu hành trong năm	18.870.000	18.870.000
Lỗ/lãi cơ bản trên cổ phiếu	(437)	126

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	612.945.368	612.945.368

CÔNG TY CỔ PHẦN
 ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
 GAS ĐÔ THỊ
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Trong vòng một năm	2.347.199.889	2.558.372.667
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.094.627.111	3.441.827.000
	3.441.827.000	6.000.199.667

Khoản thanh toán thuê hoạt động phản ánh số tiền thuê 508 m² diện tích văn phòng tại tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, Hà Nội. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 50 năm tính từ năm 2010.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.450.976.376	1.650.653.019
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị	124.000.000	156.000.000

Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện soát xét và nhận thấy trong năm, Công ty không có bên liên quan nào khác ngoài các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.


33. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 27 tháng 12 năm 2018, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng phần vốn với Bà Nguyễn Thị Thanh Hải để mua lại toàn bộ phần vốn góp tương đương với 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH VN Gas Đắk Lắk mà bà Nguyễn Thị Thanh Hải đang sở hữu. Đến ngày 04 tháng 01 năm 2019, Công ty đã nhận được giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 6001446817 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk xác nhận quyền sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH VN Gas Đắk Lắk.

Ngày 24 tháng 12 năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 13/KĐT-NQHĐQT về việc thành lập Công ty TNHH Thương mại Thiết bị Năng lượng Việt. Ngày 03 tháng 01 năm 2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108569874 thành lập Công ty TNHH Thương mại Thiết bị Năng lượng Việt với vốn điều lệ là 5 tỷ đồng, 100% vốn điều lệ thuộc sở hữu của Công ty.

Ngày 24 tháng 12 năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 14/KĐT-NQHĐQT về việc thành lập Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật PCG Việt Nam. Ngày 03 tháng 01 năm 2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108571023 thành lập Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật PCG Việt Nam với vốn điều lệ là 5 tỷ đồng, 100% vốn điều lệ thuộc sở hữu của Công ty.


Phan Ngọc Lan
Người lập biểu


Đặng Thái Hà
Kế toán trưởng


Văn Tuấn Anh
Giám đốc

Ngày 04 tháng 3 năm 2019



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ
越南城市燃气投资发展股份公司**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
越南社会主义共和国**

Số: 22./TTr-KĐT
编号 : 22/ TTr-KDT

独立 - 自由 - 幸福

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2019
河内, 2019 年 04 月 16 日

TỜ TRÌNH

呈报

Về việc Thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2018 và
Kế hoạch chi trả năm 2019

关于批准 2018 年董事会, 监事会的薪酬结算和 2019 年的薪酬支付计划

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

敬致: 股东大会

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014 và các văn bản liên quan;

根据越南社会主义共和国国会于 2014 年 11 月 26 日颁发第 68/2014 / QH13 号企业法及相关文件;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị (PV GAS CITY);

根据城市燃气投资发展股份公司 (PV GASCITY) 的规章 ;

- Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 của Công ty;

根据公司 2018 年审计财务的报告 ;

Hội đồng quản trị (HDQT) xin báo cáo quyết toán thù lao HĐQT, Ban kiểm soát (BKS) kiêm nhiệm năm 2018 và trình Đại hội thông qua Kế hoạch chi trả năm 2019 như sau:

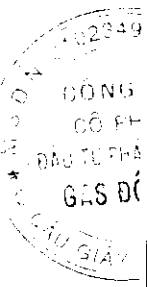
公司董事会向股东大会报告 2018 年董事会, 监事会之薪酬结算, 并呈递批准 2019 年

薪酬支付计划如下 :

I. Thực hiện năm 2018

2018 年折行情况

- Thù lao Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm: 2.000.000 đồng/tháng



兼任董事会成员之薪酬：588.2 人民币/月

- Thù lao Trưởng Ban kiểm soát kiêm nhiệm: 2.000.000 đồng/tháng

兼任监事会主席之薪酬：588.2 人民币/月

- Thù lao Kiểm soát viên kiêm nhiệm: 1.500.000 đồng/tháng

兼任监事会成员之薪酬：441.2 人民币/月

Tổng thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát kiêm nhiệm công ty năm 2018 là: 156.000.000 đồng/năm (Một trăm năm sáu triệu đồng chẵn).

2018 年公司兼任董事会和监事会之薪酬总额为 4.6 万人民币/年

1 人民币 = 3400 越南盾

II. Kế hoạch chi trả năm 2019

2019 年薪酬支付之计划

Mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách năm 2019 đề nghị như sau:

2019 年董事会和监事会成员之薪酬建议如下：

- Thành viên HĐQT không chuyên trách: 2.000.000 đồng/tháng

董事会成员：588.2 人民币/月

- Thù lao Trưởng Ban kiểm soát kiêm nhiệm: 2.000.000 đồng/tháng

兼任监事会主席之薪酬：588.2 人民币/月

- KSV không chuyên trách: 1.500.000 đồng/tháng

监事会成员：441.2 人民币/月

1 人民币 = 3400 越南盾

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 xem xét thông qua.

敬请 2019 年度股东大会审查批准此呈报。

Trân trọng.

此致

敬礼！

65
TY
AN
TRH
THI
TP.

Nơi nhận: 接收处 ✓

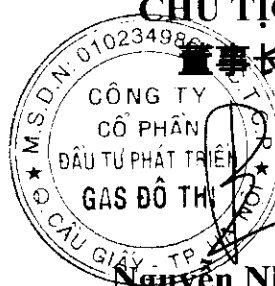
- Như trên; 如上
- HĐQT, BKS; 董事会、监事会
- Ban GD(e-copy); 经理班子 (电子稿)
- Lưu VT, ĐTH:01. 留档 : 文秘、邓太河各一份.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

代表董事会

CHỦ TỊCH

董事长



Nguyễn Nhật Dương

阮日阳





Số: 06./BC – HĐQT - KĐT
编号 : 06./BC-HDQT-KDT

Hà nội, ngày 16 tháng 04 năm 2019
河内, 2019 年 4 月 16 日

BÁO CÁO

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 và Kế hoạch hoạt động năm 2019

关于 2018 年董事会工作总结和 2019 年董事会工作计划之报告

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông

敬致 : 股东大会

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014 và các văn bản liên quan;
根据越南社会主义共和国国会于 2014 年 11 月 26 日颁发第 68/2014 / QH13 号企业法及相关文件;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị (PV GAS CITY);
根据城市燃气投资发展股份公司 (PV GASCITY) 的规章 ;

Hội đồng quản trị (HĐQT) xin báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị trong năm 2018 và Kế hoạch hoạt động năm 2019, cụ thể như sau:

关于 2018 年城市燃气投资发展股份公司董事会之工作总结和 2019 年董事会之工作计划, 董事会汇报具体如下 :

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2018

2018 年董事会之工作总结

1. Hoạt động của HĐQT năm 2018:

2018 年董事会之工作 :

- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc trong việc thực hiện Công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018;
指示和监督公司经理实施组织 2018 年度股东大会之工作 ;
- Giám sát việc chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc; việc triển khai các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018;

监督公司经理班实施管理公司生产经营活动 并且监督实施董事会及 2018 年度股东大会决议之工作;

- Chỉ đạo Giám đốc Công ty trong việc xây dựng KHKD năm 2018;

指示公司经理编制 2018 年经营计划 ;

- Việc triển khai các dự án xây lắp hệ thống gas và công tác thanh quyết toán của các dự án;

展开燃气系统项目施工安装和结算之工作 ;

- Công tác thu hồi công nợ đối với các khách hàng LPG và xây lắp;

对于 LPG 与建设安装客户收回债务之工作 ;

- Việc sử dụng lao động và thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Công ty và pháp luật;

根据公司和法律的规定 , 使用人力资源和实施员工政策制度之工作

- Thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để có những chỉ đạo kịp thời trong công tác lãnh đạo quản lý, điều hành của Ban Giám đốc.

为了及时指示经理班、定期更新公司的生产经营活动的情况。

2. Trong năm 2018, HĐQT Công ty đã tổ chức họp 06 (sáu) lần và xin ý kiến bằng văn bản 07 (bảy) lần. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (bao gồm cả các Nghị quyết của HĐQT được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

2018 年公司董事会已组织 6 次董事会会议并且通过书面形式征求董事会成员的意见 7 次。董事会决定/决议之内容如下 :

Stt 字 号	Số Nghị quyết/ Quyết định 决定, 决议编 号	Ngày ban hành 发布时间	Nội dung 内容
1	01/KĐT- NQHQDT	5/2/2018 2018 年 2 月 5 日	<p>1. Giao Giám đốc Công ty rà soát, điều chỉnh các chỉ tiêu kinh doanh tại KH năm 2018 và trình HĐQT phê duyệt vào tháng 3/2018; 指示公司经理回顾并调整 2018 年经营计划之业务目标, 并于 2018 年 3 月呈递董事会批准;</p> <p>2. Đồng ý thực hiện các công việc để giải quyết các kiến nghị của kiểm toán; 为解决审计单位之建议同意实施有关的工作 ;</p> <p>3. Đồng ý việc mua 02 xe ô tô để phục vụ sản xuất kinh doanh;</p>

			<p>为服务公司的生产经营活动、同意购买 02 辆汽车；</p> <p>4. Giao Giám đốc Công ty quyết định và thực hiện các vấn đề liên quan để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên vào tháng 4/2018. Chuẩn bị các tài liệu tại Đại hội trình HĐQT thông qua vào cuộc họp lần 1 năm 2018 tổ chức vào đầu tháng 3/2018.</p> <p>指示公司经理决定并实施关于组织有关 2018 年度股东大会之工作。准备齐全材料以在 2018 年 03 月初第一次股东大会呈递董事会批准。</p>
2	02/KĐT-NQHĐQT	25/3/2018 2018 年 3 月 25 日	<p>Đồng ý một số nội dung đề trình ĐHĐCĐ thường niên 2018 thông qua theo thẩm quyền:</p> <p>为了呈递 2018 年度股东大会批准、同意以下内容：</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kết quả kinh doanh năm 2017. Riêng KHKD năm 2018, đề nghị Giám đốc chỉ đạo các phòng/ban liên quan rà soát lại, ủy quyền cho Giám đốc trình ĐHĐCĐ thường niên 2018 thông qua; 2017 年经营绩效。对于 2018 年经营计划，建议经理指示相关部门再次回顾，授权经理呈递 2018 年度股东大会批准： 2. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017; 2017 年度审计财务之报告 3. Việc phân phối lợi nhuận năm 2017; 2017 年度利润分配之报告 4. Báo cáo quyết toán thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2017 và kế hoạch chi trả năm 2018; 关于 2017 年度董事会、监事会薪酬决算和 2018 年度薪酬支付计划之报告 5. Sửa đổi Điều lệ Công ty; 关于改订公司章程的请示； 6. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; 关于批准公司内部管理制度之请示 7. Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 vào ngày 26/4/2018. 于 2018 年 04 月 26 日组织 2018 年度股东大会

			会。
3	03/KĐT-NQHĐQT	12/4/2018 2018 年 4 月 12 日	Bổ sung việc bầu thay thế thành viên HĐQT vào nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của Công ty được tổ chức vào ngày 26/4/2018. 补充关于选举更换董事会成员的内容纳入 2018 年度股东大会的内容。
4	04/KĐT-NQHĐQT	26/4/2018 2018 年 4 月 26 日	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bầu ông Gao ZhiXin – TV HĐQT đảm nhận chức vụ CT HĐQT kể từ ngày 26/4/2018; 选举郜志新先生 -董事会成员自 2018 年 4 月 26 日起担任董事长职位 ; 2. Tổ chức ĐHĐCĐ bất thường lần 1.2018 để bầu bổ sung thành viên HĐQT và Ban kiểm soát như sau: 为选举董事会和监事会的成员、组织 2018 年第一次临时股东大会。 - Ngày chốt danh sách cổ đông là 23/5/2018; 股东名单决定截止时间为 2018 年 5 月 23 日 ; - Giao Giám đốc Công ty quyết định ngày họp và các vấn đề liên quan; 指示公司经理决定会议时间及相关议题 ; 3. Mời các ông nguyên thành viên HĐQT làm cố vấn cho Công ty. 邀请前董事会成员担任公司顾问 ;
5	05/KĐT-NQHĐQT	7/5/2018 2018 年 5 月 7 日	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đối với vấn đề ủy thác/đầu tư, quản lý tài chính, ủy quyền cho Giám đốc Công ty thực hiện: 关于委托/投资, 财务管理的问题, 授权公司经理实施 : - Quyết định đối tác nhận ủy thác/vay; 决定受托/贷款之对象 ; - Quyết định mức ủy thác/cho vay; 决定委托/贷款之金额 ; - Quyết định lãi suất ủy thác/cho vay; 决定委托/贷款之利息 ; - Quyết định thời điểm, thời hạn ủy thác/cho vay; 决定委托/贷款之时间并期限 ; - Quyết định ký Hợp đồng/Biên bản làm việc với đối tác nhận ủy thác, vay vốn.

			<p>决定与受托，贷款之对象签署合同 / 协议</p> <p>2. Sửa đổi Quy chế tài chính. 改定公司财务规制</p>
6	06/KĐT- NQHDQT	16/5/2018 2018 年 5 月 16 日	<p>1. Bổ sung nội dung vào cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường lần 1.2018: 在 2018 年第一次临时股东大会、补充以下内容：</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi Điều lệ Công ty và sửa đổi/bổ sung ngành nghề kinh doanh; 改订公司章程并修改/补充公司行业。 - Ủy quyền cho Giám đốc Công ty đề xuất cụ thể các nội dung sửa đổi tại ĐHĐCĐ bất thường lần 1.2018. 授权公司经理在 2018 年第一次临时股东大会提出具体改订的内容。 <p>2. Đồng ý ông Nguyễn Chí Dũng, TV HĐQT ủy quyền cho ông Nguyễn Nhật Dương tham dự tất cả các cuộc họp HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị. Thời hạn ủy quyền: từ 7/5/2018 đến 1/5/2019. 同意董事会成员阮志勇先生授权阮日阳先生参加所有城市燃气投资发展股份公司的董事会会议。授权期限：从 2018 年 5 月 7 日至 2019 年 5 月 1 日。</p>
7	07/KĐT- NQHDQT	20/6/2018 2018 年 6 月 20 日	<p>1. Ông Gao ZhiXin thôi đảm nhận chức vụ CT HĐQT Công ty từ ngày 21/6/2018. 郜志新先生自 2018 年 6 月 21 日起不再担任公司董事长职位。</p> <p>2. Bầu ông Nguyễn Nhật Dương đảm nhận chức vụ CT HĐQT Công ty kể từ ngày 21/6/2018. 选举阮日阳先生自 2018 年 6 月 21 日起担任公司董事长职位；</p> <p>3. Ông Lu ZhiMing thôi đảm nhận chức vụ Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty kể từ ngày 21/6/2018 để đảm nhận chức vụ TV HĐQT chuyên trách tại Công ty. 吕志明先生自 2018 年 6 月 21 日起不再担任公司经理及法律代表的职位，以担任公司专任董事会成员。</p>

			<p>4. Bổ nhiệm ông Văn Tuấn Anh đảm nhận chức vụ Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty kể từ ngày 21/6/2018. 任命文俊英先生自 2018 年 6 月 21 日起担任公司经理，法定代表人的职位；</p> <p>5. Bổ nhiệm ông Martin Wong Siew Bing đảm nhận chức vụ Phó Giám đốc Công ty. 任命 Martin Wong Siew Bing 担任公司副经理的职位；</p> <p>6. Giao Giám đốc Công ty thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật để thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. 为在企业登记证上更改公司的法定代表人，指示公司经理执行有关之手续；</p>
8	08/NQ-HDQTKĐT	19/7/2018 2018 年 7 月 19 日	<p>1. Ủy quyền cho ông Martin Wong Siew Bing thay ông Wang LingZhou thực hiện các vấn đề sau: 授权 Martin Wong Siew Bing 先生代替汪令洲先生执行以下工作：</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá, phân tích, thẩm định hiệu quả các dự án/kế hoạch đầu tư; 考查，分析，评估投资计划并投资项目的效果； - Nghiên cứu đề xuất các giải pháp huy động vốn góp và quản lý vốn góp của Công ty tại các đơn vị khác; 研究并提出筹备投资资金方案与公司在其他单位出资管理方案； - Xây dựng và đề xuất các phương án phân phối lợi nhuận, sử dụng các quỹ tài chính, đầu tư tài chính, quản trị vốn lưu động; 编制并提出利润分配，财务资金使用，金融投资，营运资金管理之方案 - Phân tích, dự báo tình hình tài chính của Công ty, lập kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Công ty; 分析并预报公司财务情况，编制短期，中期和长期财务之计划； - Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch tài chính đã được phê duyệt;

展开实施已批准的财务计划；

- Đề xuất các biện pháp, hình thức huy động vốn cho SXKD và đầu tư theo kế hoạch đã được phê duyệt;
按照已批准的计划提出为服务公司生产经营活动筹备资金之方案；
- Tổng hợp thông tin và lập báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính;
收集信息并做财务计划落实情况报告；
- Có quyền truy cập tài khoản của Công ty trên internet;
有权利在网上登录公司账号；
- Có quyền đề nghị mở, hủy và kiểm tra số dư tài khoản trên bảng sao kê cuối tháng;
有权要求注册，取消账户并在月底结单上检查账户余额；
- Thẩm định toàn bộ Hợp đồng; ký nháy toàn bộ các Hợp đồng; kiểm soát quá trình thực hiện Hợp đồng;
审定全部合同，在所有合同小签，监督执行合同的过程。
- Ký nháy vào mục kiểm soát nội bộ của toàn bộ các phiếu thanh toán. Ký nháy vào ủy nhiệm chi;
在支付票，付款委任票小签；
- Theo dõi, giám sát quá trình sử dụng các khoản chi tiêu tài chính, mua sắm tài sản, trang thiết bị;
监督使用财务支出，采购资产和设备之过程
- Được chia sẻ mọi thông tin về quản lý tài chính của Công ty, bao gồm cả Chi nhánh: Cơ chế quản lý; báo cáo phân tích tài chính; thông tin kế toán...;
可以分享有关公司财务管理的所有信息（包括分公司）如管理机制; 财务分析报告; 会计信息等
- Có quyền kiểm tra Chi nhánh TP. HCM hoặc chọn lọc tài liệu, thông tin tài chính của Chi nhánh.
有权利检查胡志明分公司或选择分公司的资料，财务信息；

2. Phân công nhiệm vụ cho ông Lu ZhiMing, TV

			<p>HDQT chuyên trách tại Công ty: 公司专任董事会成员-吕志明先生的任务分工如下:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì, chỉ đạo các chiến lược phát triển của Công ty; 掌管公司的发展战略; - Chủ trì các dự án trọng điểm, dự án lớn của Công ty; Mua bán/sáp nhập các Công ty con; đầu tư các dự án lớn; 掌管公司的重大项目: 并购子公司, 投资重大项目; - Đầu mối làm việc với các cổ đông lớn của Công ty để đề nghị hỗ trợ Công ty về các mặt: tài chính, kỹ thuật, đào tạo bồi dưỡng nhân sự ...; 当做公司与公司大股东的桥梁, 提出建议为公司提供在财务, 技术和人力培训方面的支持; - Giám sát, kiểm tra việc thực hiện kết luận của HDQT, ĐHĐCD đối với Ban điều hành. 监督, 检查经理班落实关于董事会, 股东大会指示之情况;
9	09/NQ-HDQTKĐT	20/7/2018 2018 年 7 月 20 日	<p>1. Đồng ý đề Giám đốc Công ty thực hiện các quy định tại Thỏa thuận khung (MOU) về việc chuyển nhượng trạm chiết nạp LPG ký ngày 12/6/2018 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị và Công ty TNHH VN Gas-DakLak. 同意公司经理执行于 2018 年 6 月 12 日城市燃气投资发展股份有限公司与越南得乐燃气有限公司签署 LPG 充装站转让协议 (MOU) 的规定。</p> <p>2. Giao Giám đốc Công ty ký kết Hợp đồng với Công ty Cổ phần thẩm định giá và tư vấn quốc tế để thẩm định tài sản nói trên. 为了评估上述的财产、指示公司经理与国际咨询评估股份公司签署合同;</p>
10	10/KĐT-NQHĐQT	17/9/2018 2018 年 9 月 17 日	<p>1. Đối với KHKD 04 tháng cuối năm 2018: Giao Giám đốc Công ty chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh 04 tháng cuối năm 2018 để đảm bảo hiệu quả kinh doanh như kế hoạch đã được phê</p>

			<p>duyet.</p> <p>关于 2018 年最后 4 个月的经营计划：为保证达到已批准的计划目标、公司经理负责指示各部门执行 2018 年的最后 4 个月的经营指标。</p> <p>2. Thông qua việc sửa đổi Quy chế tài chính Công ty. 批准改订公司财务制度</p> <p>3. Đối với đề nghị thành lập 02 Công ty con trực thuộc: Ủy quyền CT HĐQT Công ty quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan theo quy định của pháp luật để hoàn thành việc thành lập 02 công ty này. 关于成立 02 家直属子公司：为了完成成立 02 家子公司，授权公司董事长决定所有其它有关法律规定的工作。</p>
11	11/KĐT-NQHĐQT	20/11/2018 2018 年 11 月 20 日	<p>1. Đối với Dự án Khang Dương: 关于康洋项目：</p> <p>- Phê duyệt đề Công ty hợp tác với Công ty TNHH MTV Hong Yeung Việt Nam để triển khai thực hiện Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng công cộng (nước, điện, gas) và các loại năng lượng khác trong Khu Công nghiệp Nhơn Hội B, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định” theo hình thức thành lập pháp nhân mới với tỷ lệ góp vốn 70:30 (PV Gas City 70%VDL; Hong Yeung Việt Nam 30%VDL); 批准公司与越南 Hong Yeung 一成员有限责任公司合作展开实施“在平定省归仁市仁会社会 B 区工业园区投资建设和交易公共基础设施（水，电，气）并其他类型的能源”之项目，合作形式为建立一个新法人，出资比例为 70:30（城市燃气发展投资股份公司：70%，越南 Hong Yeung 一成员有限责任公司：30%）</p> <p>- Đồng ý Hợp đồng hợp tác đầu tư. Giám đốc Công ty được quyền đàm phán/ làm việc với đối tác và quyết định ký Hợp đồng;</p>

			<p>同意合作投资合同之内容。公司经理有权与合作伙伴进行谈判/合作，并决定签署合同；</p> <p>- Góp vốn cùng Công ty TNHH MTV Hong Yeung Việt Nam thành lập pháp nhân mới từ tháng 11/2018 để thực hiện dự án trên. 与越南 Hong Yeung 一成员有限责任公司一起合资，为实施此项目、从 2018 年 11 月起建立新的法人。</p> <p>2. Đối với Dự án Phú Vinh: 关于富荣项目</p> <p>- Đồng ý Hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp khí LPG, LNG cho Khu Công nghiệp Phú Vinh thuộc Khu Kinh tế Vũng Áng, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh cùng với Công ty TNHH đầu tư xây dựng hạ tầng Phú Vinh. Giám đốc Công ty được quyền đàm phán/ làm việc với đối tác và quyết định ký Hợp đồng; 同意与富荣基础建设投资有限公司一起合作在何静省，奇英县，富荣工业园区投资建设 LPG, LNG 供应系统。公司经理有权与合作伙伴进行谈判/合作，并决定签署合同。</p> <p>- Đồng ý nội dung dự thảo Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất với Công ty TNHH đầu tư xây dựng hạ tầng Phú Vinh để triển khai Dự án trên. Giám đốc Công ty được quyền đàm phán/ làm việc với đối tác và quyết định ký Hợp đồng 为实施此项目、同意土地使用权租赁合同之内容。公司经理有权与合作伙伴进行谈判/合作，并决定签署合同。</p> <p>- Đồng ý cho Công ty được thành lập công ty mới trong Khu Công nghiệp Phú Vinh để triển khai Dự án trên. 同意在富荣工业园区成立新公司。</p>
12	12/KĐT-NQHĐQT	26/11/2018 2018 年 11 月 16 日	<p>1. Mua lại toàn bộ phần vốn góp của 02 thành viên góp vốn tại Công ty TNHH VN Gas-DakLak. 收购全部越南得乐燃气有限公司 02 名出资成员的全部出资资金。</p> <p>2. Giao Giám đốc Công ty ký kết Hợp đồng nhận chuyển nhượng 100% phần vốn góp của 02 thành viên Công ty TNHH VN Gas-DakLak;</p>

			<p>thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật để hoàn thành việc đăng ký thay đổi chủ sở hữu, thay đổi loại hình Công ty từ Công ty TNHH 2 thành viên sang Công ty TNHH 1 thành viên.</p> <p>指示公司经理与越南得乐燃气有限公司 02 名出资成员签署收购出资资金之合同。为完成业主变更登记之工作、依法折行相关手续、转换公司形式从两成员有限公司成一成员有限公司。</p> <p>3. Ủy quyền CT HĐQT Công ty quyết định bổ nhiệm người đại diện quản lý phần vốn, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH VN Gas-DakLak.</p> <p>授权公司董事长决定任命越南得乐燃气有限公司的资金管理代表人和法律代表人。</p>
13	13/KĐT-NQHĐQT	24/12/2018 2018 年 12 月 24 日	<p>1. Thành lập Công ty TNHH Thương mại Thiết bị Năng lượng Việt Nam. 成立越南能源设备贸易有限责任公司</p> <p>2. Ủy quyền cho ông Văn Tuấn Anh được đại diện quản lý 100% vốn đầu tư của Công ty tại Công ty TNHH Thương mại Thiết bị Năng lượng Việt Nam. Thời hạn ủy quyền là 01 năm. 授权文俊英先生代表公司在越南能源设备贸易有限责任公司管理全部投资资金。期限为：1 年</p>
14	14/KĐT-NQHĐQT	24/12/2018	<p>1. Thành lập Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật PCG Việt Nam. 成立越南 PCG 技术和建设有限责任公司</p> <p>2. Ủy quyền cho ông Chen ZhiBin được đại diện quản lý 100% vốn đầu tư của Công ty tại Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật PCG Việt Nam. Thời hạn ủy quyền là 01 năm. 授权陈志斌先生代表公司在越南 PCG 技术和建设有限责任公司管理全部投资资金。期限为：1 年</p>
15	15/KĐT-NQHĐQT	26/12/2018 2018 年 12	<p>1. Mua lại toàn bộ phần vốn góp của chủ sở hữu Công ty TNHH VN Gas-DakLak. 收购全部越南得乐燃气有限公司的持有者的</p>

月 26 日

全部出资资金。

2. Giao Giám đốc Công ty ký kết Hợp đồng nhận chuyển nhượng 100% phần vốn góp của chủ sở hữu Công ty TNHH VN Gas-DakLak; thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật hoàn thành việc đăng ký thay đổi chủ sở hữu Công ty.

指示公司经理与越南得乐燃气有限公司所有者签署出资资金转让之合同。依法履行有关的手续，完成业主变更登记的工作。

3. Ủy quyền CT HĐQT Công ty quyết định bổ nhiệm người đại diện quản lý phần vốn.

授权公司经理决定任命资金管理代表人。

II. Kế hoạch hoạt động năm 2019.

2019 年董事会工作之计划

Căn cứ định hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới, HĐQT đề ra phương hướng hoạt động năm 2019 như sau:

根据公司未来之发展方向，董事会提出 2019 年工作计划如下：

1. Chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty triển khai Nghị quyết ĐHĐCD thường niên năm 2019, bám sát các hoạt động của Công ty trong việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, hỗ trợ và phối hợp Giám đốc xử lý kịp thời và tháo gỡ những khó khăn vướng mắc để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt và vượt mức kế hoạch được giao.

指示公司经营班落实 2019 年度股东大会之议决，在公司落实 2019 年经营计划的过程进行监督、检查。为公司生产经营活动达到和超过计划指标、支持协助公司经理及时处理和解决困难。

2. Tiếp tục chỉ đạo triển khai để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng, hoàn thành đúng tiến độ để đưa công trình vào sử dụng nhằm mở rộng thị trường kinh doanh LPG, CNG.... Đặc biệt là dự án mà công ty đã đầu tư trạm cấp.

为扩大 LPG, CNG 等业务的市场、指示促进已批准项目的进度，确保质量，按期竣工并开始使用、尤其是公司已投资的 LPG 供应站。

3. Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt Ban Giám đốc có phương án xử lý dứt điểm các tồn đọng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty như: thu hồi nợ khó đòi; thanh quyết toán các hợp đồng xây lắp chậm tiến độ....

指示公司经理班彻底处理公司存在的问题，比如：收回债务，在延迟进度项目结算之工作等

4. Tiếp tục cùng Ban giám đốc nghiên cứu bổ sung các quy trình, quy chế để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và chiến lược phát triển của công ty.

为服务公司的生产经营活动以及发展战略、继续与公司经理班一起研究及补充各流程和规制。

5. Nâng cao giá trị thương hiệu, tăng cường quan hệ với các cổ đông nhằm công bố thông tin tới công chúng một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch.

为向公众迅速,及时和透明地颁发信息、提升品牌价值,维护良好的股东关系。

6. Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh các hoạt động khác thuộc chức năng nhiệm vụ của HĐQT, khắc phục những mặt còn hạn chế, cùng với ban giám đốc phấn đấu đưa công ty ngày càng phát triển, xứng đáng với sự mong muốn của cổ đông.

维持和促进董事会职能范围内的其它工作,克服存在的缺点,与经理班一起努力让公司越来越发展,值得股东的愿望。

7. Tiếp tục thực hiện công tác đảm bảo an sinh xã hội đối với người lao động; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động; phát triển chất lượng đội ngũ cán bộ, chính sách nhân sự để giữ người tài.

继续为员工实施确保社会安生的工作;提升员工生活的质量;提高干部队伍的素质,为留住人才实施人事政策。

Kính trình ĐHCĐ thường niên năm 2019 xem xét thông qua.

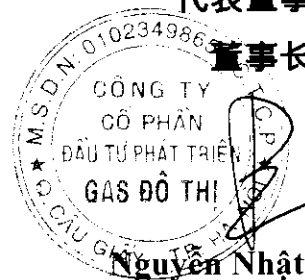
敬请 2019 年度股东大会批示此报告。

Nơi nhận: ✓

接收处:

- ĐHCĐ TN 2019;
2019 年度股东大会;
- HĐQT, BKS;
董事会, 监事会;
- Lưu VT; H.01.
文秘, 阮氏慧各一份

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
代表董事会



Nguyễn Nhật Dương
阮日阳



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ**
城市燃气发展投资股份公司

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
越南社会主义共和国
独立-自由-幸福

Số: 02../KĐT-BCBKS
号: 02../KĐT-BCBKS

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2019
河内, 2019年4月16日

BÁO CÁO

Về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch năm 2019
và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2019
2018年监事会工作的落实情况与2019年工作计划报告
和2019年建议选择独立的审计单位

I. KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2018

2018年监督, 检查工作的结果

1. Hoạt động của Ban kiểm soát.

监事会的工作:

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp 2014; Điều 34, 35 Điều lệ hiện hành Công ty

根据2014年企业法第165条规定监事会的权力和责任;公司现行章程的第34, 35条

Căn cứ vào nhiệm vụ kế hoạch của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua. Trong năm 2018, Công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát được thực hiện nhằm nắm bắt thực trạng, hiệu quả hoạt động của Công ty như:

根据2018年例行股东大会已通过的任务计划。在2018年, 监事会的监督, 检查工作以执行掌握公司经营效果情况如下:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty trong việc lãnh đạo, chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của ban lãnh đạo Công ty.
- 监督遵守现行法律规定和公司章程, 领导和指导经营班子执行生产经营活动的运作。
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- 监督执行股东大会决议的事宜。
- Phối hợp với Hội đồng quản trị, kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty. Giám sát trong việc quản lý, sử dụng nguồn vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Công ty, nhằm đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí, tuân thủ đúng quy định, nội quy, quy chế của Công ty và pháp luật của Nhà nước.
- 与董事会配合检查, 监督公司的业经工作。监督公司资金, 资产和公司其他资源, 以确保资金的有效利用, 防止损失和浪费, 遵守国家法律和公司的制度, 内则, 规定。



- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và cả năm, đảm bảo tính đúng đắn, minh bạch trong các báo cáo. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
- 审定年度财务报告, 半年报告和 季度报告, 保证报告内容的正确性, 透明性。分析, 评估财务情况, 保护和发展公司资本的能力。

2. Kết quả kiểm tra giám sát.

监督和检查的结果

a. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018.

2018年财务审计报告的结果

- Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018. Báo cáo được trình bày theo các mẫu báo cáo quy định của Bộ Tài chính.
- 2018年的财务报告已反映准确, 合理公司于在2018年12月31日的财务状况和业经结果。本报告是根据财务部规定的报告格式。
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.
- 关于记录, 建立会计账簿, 分类科目都按照财务部规定的标准。
- Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện theo qui định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
- 按照2018年股东大会决议和公司章程规定, 2018年的财务报告由德瑞审计有限责任公司负责。

b. Kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

经营班子和董事会监督管理任务, 执行情况的结果

- Các Quyết định trong quản lý điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- 经营班子和董事会在管理执行工作当中的决定都遵守法律规定的公司章程;
- Lãnh đạo Công ty cũng đã chú trọng thực hiện công tác thu hồi công nợ; thực hiện trích lập quỹ dự phòng tài chính đầy đủ, đúng quy định;
- 公司领导已注重追债, 实施坏账准备资金事宜保证足够和符合规定
- Các cổ đông Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty về quyền và nghĩa vụ của các cổ đông;
- 关于股东义务, 公司的股东遵守法律规定和公司章程;

- Việc trả lương, thưởng đảm bảo công bằng, minh bạch, các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật.
- 按照法律规定, 员工的政策, 支付工资和奖金可确保员工的公平, 透明性
- c. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc:
经营班子, 董事会和监事会配合工作的结果评估:
- Giữa Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty luôn có sự phối hợp chặt chẽ. Ban kiểm soát đã nhận được sự hợp tác, tạo điều kiện từ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, như việc cung cấp thông tin, tài liệu đầy đủ, kịp thời khi có yêu cầu.
- 监事会和董事会以及公司经营班子之间保持密切的配合。监事会在履行职责时得到董事会和经营班子的合作和收到便利条件, 列如: 根据监事会的要就及时和充分提供有关信息与文件。
- Ban Kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Tại các cuộc họp này, Ban Kiểm soát đã tham gia đóng góp ý kiến cho các vấn đề trong quá trình điều hành Công ty.
- 监事会受邀请参加董事会会议。在会议上, 监事会可对公司运营过程中提出意见。

II. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2019

2019 年的工作计划

Để thực hiện tốt công tác kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Công ty, kế hoạch công tác năm 2019 của Ban kiểm soát như sau:

按照 2014 年的企业法和公司章程, 2019 年监事会的工作计划如下:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019. Giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Giám sát việc triển khai, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.
- 监督 2019 年例行股东大会决议的落实情况。监督遵守章程和公司内部管理制度。监督 2019 年公司的开展, 实施生产经营计划。
- Phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý tại văn phòng Công ty cũng như tại các đơn vị.
- 跟公司董事会和公司经营班子配合检查, 监督办公司, 个单位的管理工作。
- Theo dõi, kiểm tra và giám sát quá trình chuẩn bị, triển khai và quyết toán các dự án đầu tư, xây lắp.
- 跟踪, 检查和监督各投资, 安装项目的准备, 开展和结算过程。
- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị năm 2019. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình

hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty. Giám sát việc quản lý vốn chủ sở hữu và quản lý phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp

- 审定经营结果报告, 2019 年董事会管理工作的评估报告。分析分析和评估公司的财务状况, 资金的管理和使用, 运营效率和债务支付能力。监督本公司在投资企业的持有资金和管理资本。

III. ĐỀ XUẤT ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP NĂM 2019
2019 年建议使用的独立审计单位

- Căn cứ chất lượng dịch vụ kiểm toán của Công ty TNHH Deloitte đã được kiểm chứng qua kết quả thực hiện công việc kiểm toán tại Công ty các năm trước, Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn Công ty TNHH Deloitte là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính cho năm 2019.
- 根据多年德勤有限责任公司的审计质量, 监事会建议选择德勤公司是负责本公司 2019 年的财务审计报告。

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua.

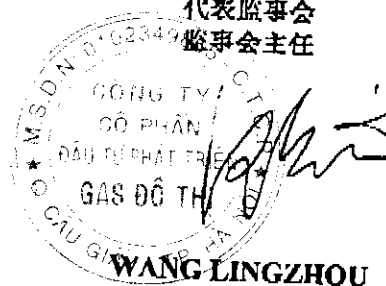
呈报董事会审议通过。

Nơi nhận:

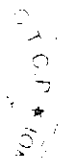
发送:

- ĐHĐCĐ TN 2019;
- 2019 年例行股东大会
- HĐQT;
- 董事会;
- Lưu TCHC, BKS:01.
- 行政部, 监事会: 01

TM. BAN KIỂM SOÁT
 TRƯỞNG BAN
 代表监事会
 监事会主任



汪令洲





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ
越南城市燃气投资发展股份公司**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
越南社会主义共和国
独立-自由-幸福**

Số: 23/TTr-HĐQT-KĐT
编号 : 23/ TTr-KDT

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2019
河内, 2019 年 04 月 16 日

**TỜ TRÌNH
呈报**

Về việc Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị
关于罢免权董事会成员

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
敬致 : 股东大会**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014 và các văn bản liên quan;
根据越南社会主义共和国国会于 2014 年 11 月 26 日颁发第 68/2014 / QH13 号企业法及相关文件;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị (PV GAS CITY);
根据城市燃气投资发展股份公司 (PV GASCITY) 的规章 ;
- Căn cứ Đơn xin từ nhiệm thôi giữ chức thành viên Hội đồng quản trị của ông Lu ZhiMing ngày 01/04/2019;
根据于 2019 年 4 月 1 日吕志明先生不再担任董事会成员职务的辞职书;
- Căn cứ Đơn xin từ nhiệm thôi giữ chức thành viên Hội đồng quản trị của ông Cheung YipSang ngày 01/04/2019.
根据于 2019 年 4 月 1 日张叶生先生不再担任董事会成员职务的辞职书。

Căn cứ các quy định có liên quan của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS CITY và Đơn xin từ nhiệm của các ông Lu ZhiMing và Cheung YipSang, HĐQT Công ty kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thông qua Miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với ông/bà có tên sau kể từ sau khi kết thúc phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

根据上述提议，敬请 2019 年股东大会批准关于罢免权董事会成员、以大会进行选举变更董事会成员。从 2019 年度股东大会结束之日起，罢免权董事会成员职务对于如下先生/女士：

1. Họ và tên: Lu ZhiMing
姓名 : Lu ZhiMing

- Ngày sinh: 13/7/1964
- 出生日期 : 1964 年 07 月 13 日

2. Họ và tên: Cheung YipSang

姓名 : Cheung YipSang

- Ngày sinh: 18/08/1966
- 出生日期于 1966 年 08 月 18

Nơi nhận: 接收处

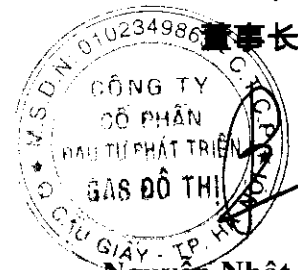
- Như trên; 如上 *la*
- Lưu VT, H.01

存档 : 文秘 , 阮氏慧各一份.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

代表董事会

CHỦ TỊCH



Nguyễn Nhật Dương

阮日阳

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

越南社会主义共和国

独立-自由-幸福

**ĐƠN XIN TỪ NHIỆM
THÔI GIỮ CHỨC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
董事会董事辞职申请书**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị (PVGAS CITY)

敬致：股东大会

城市燃气投资发展股份公司（PVGAS CITY）

Tên tôi là: Lu Zhiming

我是：吕志明

Ngày sinh: 13/7/1964

出生日期：1964年07月13日

Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị PVGAS CITY

目前的职务：PVGAS CITY 董事会董事

Tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2018 ngày 20/6/2018 của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị (PVGAS CITY), tôi đã được cổ đông tín nhiệm bầu giữ chức thành viên Hội đồng quản trị. Trong thời gian giữ chức vụ, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2018年06月20日，在城市燃气投资发展股份公司召开的第一次临时股东会会议上，我得到各位股东的信任并选举我为董事会董事。在任职期间，依照法律及公司章程的规定，我已完成分配给我的任务。

Nay, do điều kiện công tác, tôi viết đơn này xin được thôi giữ chức TVHĐQT PVGAS CITY ngay sau khi kết thúc kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của PVGAS CITY.

现在，由于工作原因，在城市燃气投资发展股份公司 2019 年年度股东大会会议结束后，我申请立刻辞去董事会董事之职务。

Tôi xin cảm ơn!

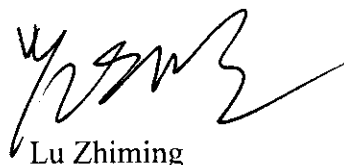
谢谢!

Ngày 01 tháng 4 năm 2019

2019 年 04 月 01 日

经办人

Người làm đơn



Lu Zhiming

吕志明

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

越南社会主义共和国

独立-自由-幸福

**ĐƠN XIN TỪ NHIỆM
THÔI GIỮ CHỨC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

董事会董事辞职申请书

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị (PVGAS CITY)

敬致: 越南城市燃气发展投资股份公司(PVGAS CITY)

股东大会

-Tên tôi là: CHEUNG YIPSANG

本人姓名: 张叶生

-Ngày sinh: 18/08/1966

出生日期 1966年8月18日

Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị PVGAS CITY

现在职位: 越南城市燃气发展投资股份公司 董事会董事

Tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2010 ngày 26/6/2010 của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị (PVGAS CITY), tôi đã được cổ đông tin nhiệm bầu giữ chức thành viên Hội đồng quản trị. Trong thời gian giữ chức vụ, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2010年6月26日, 越南城市燃气发展投资股份公司2010年度第一次临时股东大会, 我得到股东信任被选举为公司董事会董事。在担任职务期间, 我已根据法律和公司章程完成了分配的任务。

Nay, do điều kiện công tác, tôi viết đơn này xin được thôi giữ chức TVHĐQT PVGAS CITY ngay sau khi kết thúc kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của PVGAS CITY.

现在, 由于工作原因, 我提交辞职申请书, 不再担任越南城市燃气发展投资股份公司的董事会董事一职, 于2019年度例行股东大会结束后, 立即生效。

Tôi xin cảm ơn!

致敬!

Y / S /
RIE
H /
H /

Ngày 01 tháng 4 năm 2019

2019 年 4 月 01 日

Người làm đơn

申请人



CHEUNG YIPSANG





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ**
越南城市燃气投资发展股份公司

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
越南社会主义共和国
独立-自由-幸福

Số: 24.../TTr-HĐQT-KĐT
编号: 24 / TTr-KĐT

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2019
河内, 2019 年 04 月 16 日

TỜ TRÌNH 呈报

Về việc thông qua danh sách ứng viên để Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
关于通过候选人的名单以补充选举董事会成员

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
敬致: 股东大会

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014 và các văn bản liên quan;
根据越南社会主义共和国国会于 2014 年 11 月 26 日颁发第 68/2014 / QH13 号企业法及相关文件;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị (PV GAS CITY);
根据城市燃气投资发展股份公司 (PV GASCITY) 的规章;
- Căn cứ Đơn đề cử ứng viên HĐQT của cổ đông lớn - Công ty ENN Energy Holdings Limited ngày 01/4/2019.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 xem xét thông qua danh sách ứng viên thành viên HĐQT để bầu bổ sung/thay thế thành viên HĐQT, nhiệm kỳ 2019-2024 như sau:

荐举如下先生/女士作为股东大会的候选人, 选举变更董事会成员(从 2019 年至 2024 年)。

1. Họ và tên: Liu YongXin

姓名: Liu YongXin

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 04/9/1963

Quốc tịch: New zealand

性别人: 男

出生: 1963/09/04

国籍: 新西兰

CMND/Hộ chiếu số: LK 474499

Ngày cấp: 03/11/2016

Nơi cấp: DIA LON

身份证号/护照号: LK 474499

签发时间: 2016/11/03

签发机关: DIA LON

Hộ khẩu thường trú: Rm 2801 Cascaden ,Guangzhou, Guangdong, China

住址: Rm 2801 Cascaden ,Guangzhou, Guangdong, China

Trình độ: Tiến sĩ

学位: 博士研究生

2. Họ và tên: Liu Min

姓名: Liu Min

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 22/11/1965

Quốc tịch: Trung Quốc

性别：男 出生： 1965/11/22 国籍：中国

CMND/Hộ chiếu số: G47189854 Ngày cấp: 25/11/2010

Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an Trung Quốc

身份证号/护照号: G47189854 签发时间: 2010/11/25

签发机关: 中国公安部出入境管理局

Hộ khẩu thường trú: Số 39 quảng trường Đông Hoàn, đường Đông Trung, khu Đông Thành, thành phố Bắc Kinh.

住址: 北京市东城区东中路 39 号东环广场

Trình độ: Thạc sĩ

学位: 硕士研究生

Căn cứ các quy định có liên quan của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS CITY và đề cử nêu trên, HĐQT PV GAS CITY kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thông qua danh sách ứng viên như trên để Đại hội tiến hành bầu thay thế/bổ sung thành viên HĐQT, nhiệm kỳ 2019-2024.

根据上述提议，敬请 2019 年股东大会批准关于罢免权与股东大会候选人 的名单、以大会进行选举变更董事会成员。

Nơi nhận: 接收处

- Như trên; 如上

- Lưu VT, H.01

存档: 文秘, 阮氏慧各一份.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

代表董事会

CHỦ TỊCH

董事长



Nguyễn Nhật Dương

阮日阳

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
越南社会主义共和国
独立-自由-幸福

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ
THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ
NHIỆM KỲ 2019-2024
越南城市燃气发展投资股份公司 2019 年至 2024 年董事会成员提名申请书

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019
Công ty cổ phần đầu tư phát triển gas Đô thị.
致敬: 越南城市燃气发展投资股份公司 2019 年度例行股东大会

Tên tôi/chúng tôi là: ENN Energy Holdings Limited
本人姓名/组织姓名: ENN Energy Holdings Limited

Số CMND/hộ chiếu/ĐKKD: CA4029 cấp ngày 25/11/2011
身份证号/护照号/企业执照号: CA4029 于 2011 年 11 月 25 日颁发

Địa chỉ: Building A, ENN Industrial Park, Xinyuan Dongdao Road, Economic & Technological Development Zone, Langfang Hebei.
地址: 中国河北廊坊市经济技术开发区新源东道新奥工业园 A 楼

Số điện thoại: 0086 2598100
电话号码: 0086 2598100

Hiện đang sở hữu: 7.338.500 CP . (Bằng chữ: 柒佰叁拾叁万捌仟伍佰股)
现持有: 7.338.500 股份 (大写: 柒佰叁拾叁万捌仟伍佰股)

Đề nghị cho tôi/chúng tôi được đề cử:
本人申请/组织申请提名:

1. Ông (bà): Liu YongXin
刘永新先生

Số CMND/hộ chiếu: LK 474499 Ngày cấp: 03/11/2016 Nơi cấp: NEW ZEALAND
身份证号/护照号: LK 474499 颁发日期: 2016/11/03 颁发地址: 新西兰

Địa chỉ thường trú: Rm 2801 Cascaden, Guangzhou, Guangdong, China

常住地址: Rm 2801 Cascaden, Guangzhou, Guangdong, China

Trình độ học vấn: Tiến sĩ PHD chuyên ngành: FINANCE

学习水平: 博士研究生 专业: 投资与财务管理

Hiện đang sở hữu: / cổ phần. (Bằng chữ: /)

现持有: / 股份 (大写: /)

2. Ông (bà): Liu Min

刘敏先生

Số CMND/hộ chiếu: G47189854 Ngày cấp: 25/11/2010 Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an Trung Quốc
身份证号/护照号: G47189854 颁发日期: 2010/11/25 颁发地址: 中国公安部出入境管理局

Địa chỉ thường trú: Số 39 Quảng Trường Đông Hoàn, Đường Đông Trung, Khu Đông Thành, Thành Phố Bắc Kinh, Trung Quốc
常住地址: 北京市东城区东中街 39 号东环广场

Trình độ học vấn: Nghiên cứu sinh Thạc sĩ Chuyên ngành: Kỹ sư Cao cấp
学位: 硕士研究生 专业: 高级工程师

Hiện đang sở hữu: /cổ phần. (Bảng chữ:/)
现持有: / 股份 (大写: /)

Làm ứng cử viên tham gia HĐQT của Công ty cổ phần đầu tư phát triển gas Đô thị nhiệm kỳ 2019 – 2024.
作为越南城市燃气发展投资股份公司董事会 2019 年至 2024 年任期的董事会成员候选人

Hồ sơ kèm theo gồm:

所附文件包括:

- CMND/hộ chiếu 身份证/护照
- Bằng cấp 文凭/毕业证书
- 02 ảnh 4x6 2 张 4x6 照片
- Quyết định/Công văn/giấy ủy quyền (nếu có) 决定/公函/授权书 (如有)

Xin trân trọng cảm ơn!
致敬!

Hà nội, Ngày 04 tháng 4 năm 2019
河内市, 2019 年 4 月 04 日

NGƯỜI ĐỀ CỬ

(ký và ghi rõ họ tên (hoặc đóng dấu)

提名人

(签名并书写姓名全称 (或盖章))

新奥能源控股有限公司

ENN Energy Holdings Limited



Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Họ và tên: Lưu Vĩnh Tân

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 04/09/1963

Nơi sinh: Thành phố Hồng Hà, Tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc.

Quốc tịch: New Zealand

Nơi ở hiện nay: Hoa viên Golf, Khu khai phát Lang Phường, Tỉnh Hà Bắc.

Số Hộ Chiếu: LK474499

Trình độ văn hóa: Nghiên cứu sinh tiến sỹ

Nghề nghiệp: Tổng giám đốc

Thái độ chính trị : Đảng viên

Chưa là Đảng viên

Quá trình học tập chuyên môn:

Thời Gian	Trường Đào Tạo	Chuyên ngành đào tạo	Khen thưởng	Kỷ luật
09.1985 – 07.1987	Đại Học Kỹ Thuật Giao Thông Cầu Đường Tây AN	Công trình xe hơi		
02.1998 – 02.2000	NZ Massey University	FINANCE		

12/21
C
C
T
GA
/3/

09.2004 – 09.2009	Đại Học Trung Sơn	Quản lý đầu tư và tài chính		
----------------------	-------------------	--------------------------------	--	--

Quá trình công tác:

Thời Gian	Đơn vị công tác	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật
07.1987 – 07.1993	Công ty công trình xe hơi Quảng Đông	Kỹ sư, Kỹ sư trưởng		
08.1993 – 11.2000	Exxon Mobil Corporation Trung Quốc	Tổng giám đốc kinh doanh toàn quốc		
12.2000 – 09.2008	Á châu LPG, BP dầu mỏ	Phó tổng giám đốc nghiệp vụ bán lẻ LPG châu Á		
09.2008 – 12.2018	Cổ phần Năng lượng XinAo/Tập thể lãnh đạo nòng cốt	Phó tổng giám đốc cấp cao ENN Energy		
01.2019 đến nay	Năng lượng XinAo/ Nghiệp vụ quốc tế hóa/ Phòng nghiệp vụ quốc tế	Tổng giám đốc phòng nghiệp vụ quốc tế ENN Energy		

Xác nhận

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2019

Người khai

Lưu Vĩnh Tân

Đã Ký

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

越南社会主义共和国

独立-自由-幸福

SƠ YẾU LÝ LỊCH

个人简历

- Họ tên: - Giới tính: Nam
- 姓名: 刘永新 - 性别: 男
- Ngày sinh:
- 出生年月日: 1963年09月04日
- Nơi sinh:
- 出生地点: 中国湖北省洪湖市
- Quốc tịch:
- 国籍: 新西兰
- Nơi ở hiện nay:
- 现在地址: 河北廊坊开发区高尔夫花园
- Số hộ chiếu: :
- 护照号码: LK474499
- Trình độ văn hoá:
- 文化水平程度: 博士研究生
- Trình độ chuyên môn:
- 职称: 无
- Nghề nghiệp:
- 职业: 总经理
- Thái độ chính trị: Đảng viên Chưa đảng viên
- 政治情况: 党员 非党员
- Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:
- 学习过程, 专门培训

Thời gian 时间	Trường đào tạo 学校	Chuyên ngành đào tạo 专业	Khen thưởng 奖励	Kỷ luật 纪律
1985.09-1987.07	西安公路交通科技大学	汽车工程		
1998.02-2000.02	NZ Massey University	FINANCE		
2004.09-2009.09	中山大学	投资与财务管理		

- Quá trình công tác:

- 工作过程:

Thời gian 时间	Đơn vị 工作单位	Chức vụ 职位	Khen thưởng 奖励	Kỷ luật 纪律
1987.07-1993.07	广东汽车工程公司	工程师、总工程师		
1993.08-2000.11	埃克森美孚中国	全国经销商总经理		
2000.12-2008.09	亚洲 LPG、BP 石油	亚洲 LPG 零售业务 副总裁、总经理		
2008.09-2018.12	新奥能源控股/核心团队	高级副总裁		
2019.01-至今	新奥能源/业务型白驱组织/国 际化业务/国际业务部	总经理		

Xác nhận

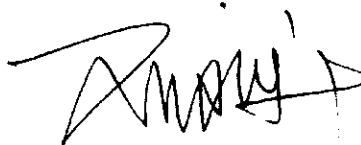
确认

Hà Nội, ngày 8 tháng 4 năm 2019

河内市, 2019年4月8日

Người khai

填表人



Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Họ và tên: Lưu Mẫn

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 22/11/1965

Nơi sinh: Thành phố Nhạc Dương, Tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc.

Quốc tịch: Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa

Nơi ở hiện nay: Số 39 quảng trường Đông Hoàn, đường Đông Trung, khu Đông Thành, thành phố Bắc Kinh.

Số CMTND: G47189854

Trình độ văn hóa: Nghiên cứu sinh thạc sỹ

Nghề nghiệp: Chủ tịch

Thái độ chính trị : Đảng viên

Chưa là Đảng viên

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

Thời Gian	Trường Đào Tạo	Chuyên ngành đào tạo	Khen thưởng	Kỷ luật
09.1982 – 06.1986	Khoa điện lực Đại học Trùng Khánh	Tự động hóa		
09.2000 – 06.2002	Khoa quản lý quang hóa Đại học Bắc Kinh	Quản lý công thương		

55
✓
RIE
HI
14
2
ON
0
TUP
.S
14

Quá trình công tác:

Thời Gian	Đơn vị công tác	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật
07.1986 – 04.1991	Công ty thủy điện GEZHOUBEI	Công trình sư chuyên trách		
05.1991 – 05.2003	Công ty TNHH liên doanh điện hạt nhân tỉnh Quảng Châu	Trưởng Bộ Phận		
06.2003 – 06.2011	Công ty TNHH tập đoàn điện hạt nhân Quảng Đông Trung Quốc	Tổng Giám Đốc		
07.2011 đến nay	ENN Energy	Tổng Giám Đốc		

Xác nhận

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2019

Người khai

Lưu Mẫn

Đã Ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

越南社会主义共和国

独立-自由-幸福

SƠ YẾU LÝ LỊCH

个人简历

- Họ tên: - Giới tính: Nam
- 姓名: 刘敏 - 性别: 男
- Ngày sinh:
- 出生年月日: 1965年11月22日
- Nơi sinh:
- 出生地点: 湖南省岳阳市
- Quốc tịch:
- 国籍: 中华人民共和国
- Nơi ở hiện nay:
- 现在地址: 北京市东城区东中街39号东环广场
- Số hộ chiếu:
- 护照号码: G47189854
- Trình độ văn hoá:
- 文化水平程度: 硕士研究生
- Trình độ chuyên môn:
- 专门程度: 高级工程师
- Nghề nghiệp:
- 职业: 总裁
- Thái độ chính trị: Đảng viên Chưa đảng viên
- 政治情况: 党员 未党员
- Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:
- 学习过程, 专门培训

Thời gian 时间	Trường đào tạo 培训学校	Chuyên ngành đào tạo 培训专业	Khen thưởng 奖励	Kỷ luật 纪律
1982.9-1986.6	重庆大学电力学院	自动化		
2000.9-2002.6	北京大学光华管理学院	工商管理		

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TP

- Quá trình công tác:

- 工作过程:

Thời gian 时间	Đơn vị 工作单位	Chức vụ 职位	Khen thưởng 奖励	Kỷ luật 纪律
1986.7-1991.4	葛洲坝水力发电厂	专职工程师		
1991.5-2003.5	广东省核电合营有限公司	科长		
2003.6-2011.6	中国广东核电集团有限公司	总经理		
2011.7-至今	新奥能源控股有限公司	总裁		

Xác nhận

确认

Hà Nội, ngày 8 tháng 4 năm 2019

河内市, 2019年4月8日

Người khai

填表人

